Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**CHƯƠNG III: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN**

**§1. GÓC Ở TÂM. SỐ ĐO CUNG**

**A. MỤC TIÊU**:

*1- Kiến thức:* + Nhận biết được góc ở tâm, hai cung tương ứng, một cung bị chắn. Hiểu được định lý về cộng số đo hai cung

*2- Kỹ năng:* Rèn kỹ năng đo góc ở tâm, thấy rõ sự tương ứng giữa số đo của cung và của góc ở tâm chắn cung đó trong trường hợp cung nhỏ hoặc cung nửa đường tròn, biết suy ra số đo của cung lớn, biết so sánh hai cung trên một đường tròn. Biết vận dụng được định lý về cộng số đo hai cung, biết chứng minh định lý.

*3- Thái độ:* Cẩn thận và suy luận hợp lôgíc.

4  *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

- Năng lực chuyên biệt: Biết phân tích tìm lời giải và trình bày lời giải, làm quen với dạng toán tìm vị trí một điểm để một đoạn thẳng có độ dài lớn nhất

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Góc ở tâm, số đo cung. | Định nghĩa góc ở tâm. Số đo độ của góc ở tâm. Số đo cung. | -So sánh hai cung | - V/dụng Hãy tìm số đo của cung nêu cách tìm đó ? | Vận dụng đlý về cộng số đo hai cung để giải được BT. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ**: (Không kiểm tra) Giới thiệu nội dung chương III

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| H: Góc mà có đỉnh của nó nằm trên đường tròn và hai cạnh là hai bán kính của đường tròn được gọi là gì? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Hs bước đầu được mô tả sơ lượt về góc ở tâm  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Định nghĩa góc ở tâm – cá nhân**  Mục tiêu: Hs nêu được đ.nghĩa góc ở tâm, xác định được góc ở tâm  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: xác định được góc ở tâm, cung lớn, cung nhỏ  NLHT: NL xác định góc ở tâm | |
| Gv giới thiệu cho Hs tìm hiểu thế nào là góc ở tâm, kí hiệu cung.  GV cho HS quan sát H.1 SGK /67.  H : Góc ở tâm là gì ?  GV: giới thiệu cung nhỏ, cung lớn và kí hiệu cung kèm theo hình vẽ  H : Số đo độ của góc ở tâm có thể là những giá trị nào ?  H : Mỗi góc ở tâm ứng với mấy cung ? Hãy chỉ ra cung bị chắn của ,  Cho HS làm BT 1 SGK. | ***1. Góc ở tâm***.  Định nghĩa : Góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn được gọi là góc ở tâm  Cung nhỏ :  Cung lớn :  Góc ở tâm chắn cung nhỏ AmB  Góc bẹt  chắn nửa đường tròn.    Bài tập 1 : a) 900; b) 1500; c) 1800; d) 00; e) 1200 |
| **Hoạt động 2: Số đo cung – nhóm**  Mục tiêu: Hs nêu được định nghĩa số đo cung  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Xác định được số đo cung lớn, cung nhỏ.  NLHT: NL đo đạc, tính toán. | |
| Gọi 1 HS lên bảng đo  = ?, sđ =?  GV : Hãy tìm số đo của cung lớn , nêu cách tìm đó ?  –HS nêu ĐN /67  Hãy nêu định nghĩa góc ở tâm, số đo cung, cách so sánh hai cung, cách tính số đo cung. | ***2. Số đo cung***.  Định nghĩa: SGK/67  \* Số đo của cung AB kí hiệu là sđ.  VD : sđ=3600–1000=2600  Chú ý : – Cung nhỏ có sđ < 1800  – Cung lớn có sđ > 1800  – Khi hai mút của cung trùng nhau,  ta có cung không với số đo 00 và cung cả đường tròn có số đo 3600 |
| **Hoạt động 3: So sánh hai cung – cá nhân**  Mục tiêu: Hs so sánh được số đo hai cung dựa vào số đo của chúng  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Hs so sánh được hai cung  NLHT: NL *So sánh hai cung* | |
| HS đọc chú ý SGK /67  H : Để so sánh 2 cung ta dựa vào yếu tố nào ?  H : Thế nào là hai cung bằng nhau ? Nêu cách kí hiệu hai cung bằng nhau ? | ***3. So sánh hai cung.***  Trong một đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau.  + Hai cung được gọi là bằng nhau nếu chúng có số đo bằng nhau.  + Trong hai cung, cung nào có số đo lớn hơn được gọi là cung lớn hơn |
| **Hoạt động 4: Cộng số đo hai cung**  Mục tiêu: Hs nêu được định lý cộng số đo hai cung  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Áp dụng tính số đo cung  NLHT: NL tính toán | |
| GV vẽ H.3,4 và giới thiệu điểm C chia cung AB thành hai cung AC và CB.  Nêu ĐL /68  Cho HS giải ? 2 | ***4. Khi nào thì sđ = sđ + sđ ?***  Định lý : SGK  Giải ? 2 :  Giải: C nằm trên cung AB nên tia OC nằm giữa hai tia OA và OB nên ta có:  Mà |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Hãy nêu định nghĩa góc ở tâm, số đo cung, cách so sánh hai cung, cách tính số đo cung.(M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Học thuộc các ĐL, KL

–Làm các BT2, 4, 5, (SGK). Chuẩn bị bài tập đầy đủ tiết sau luyện tập

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP (góc ở tâm – số đo cung)**

**I. MỤC TIÊU**:

1*- Kiến thức:* Củng cố các khái niệm về góc ở tâm, cung bị chắn, số đo cung, so sánh hai cung

*2- Kỹ năng:* Rèn luyện cách đo góc ở tâm bằng thước đo góc, tính số đo góc, số đo cung. Vận dụng thành thạo định lí cộng hai cung giải các bài toán liên quan

*3- Thái độ*: Học tập tích cực

*3- Thái độ:* Cẩn thận và suy luận hợp lôgíc.

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

- Năng lực chuyên biệt: Rèn luyện cách đo góc ở tâm bằng thước đo góc, tính số đo góc, số đo cung. Vận dụng thành thạo định lí cộng hai cung giải các bài toán liên quan

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Luyện Tập | Định nghĩa Góc ở tâm. Số đo độ của góc ở tâm. Số đo cung. Bài 2/69 SGK. | -So sánh hai cung. | - Tìm số đo của cung, Vận dụng t/c tt tính sđ góc từ đó suy ra sđ cung. | Vận dụng đlý về cộng sđ hai cung để giải được BT. |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Hs thấy được các kiến thức đã học liên quan đến tiết học

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| - Nêu định nghĩa góc ở tâm? Định nghĩa số đo cung?  - Cho hai cung AB và CD khi nào ta nói hai cung này bằng nhau? Cung AB lớn hơn cung CD? | Trả lời đúng các ĐN  Trả lời đúng cách so sánh cung |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức đã học để giải được một số bài tập cụ thể

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Tìm được số đo của cung, Vận dụng t/c Tiếp tuyến tính số đo gĩc từ đĩ suy ra số đo cung

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Bài 2/69 SGK  HS 1 giải  GV nhận xét sữa chữa  Bài 7.HS2 giải  HS cả lớp theo dõi sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng  GV viên nhận xét đáng giá cho điểm  Số đo độ của góc ở tâm. So sanh cung.  1HS làm trên bảng  GV yêu cầu HS khác nhận xét  Bài 5 (SGK)  Hs cả lớp suy nghĩ giải bài tập 5  HS vẽ hình  H. Hãy cho biết GT, KL của bài  H. Để tính được sđ góc AOB ta cần tính được yếu tố nào trước? Gt bài cho 2 tiếp tuyến AM, BM có suy ra được điều gì ?  1HS lên bảng tính góc AOB  H. Hãy nêu cách tính số đo mỗi cung  ( HS lớp tự làm vào vở câu b) | ***Bài 2/69/sgk***    ***Bài 7/69 sgk***  a) các cung nhỏ AM, CP  BN, DQ có cùng số đo  b)  c) Ví dụ:    **Bài 4 (SGK)**  vuông cân  tại A nên      ***Bài 5: (SGK)***  aTứ giác ANBO  Có    Nên |

**D. TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Xem lại các bài tập đã làm

+ Chuẩn bị bài: Liên hệ giữa cung và dây

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

**Câu hỏi (MĐ1):** Nhắc lại nội dung các định nghĩa và các định lí đã học trong bài.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§2. LIÊN HỆ GIỮA CUNG VÀ DÂY**

**A. MỤC TIÊU**:

1*- Kiến thức:* Học sinh hiểu được các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. Hiểu được nội dung định lý 1 và 2. Bước đầu vận dụng được nội dung các định lý đã học vào giải một số bài tập liên quan.

*2- Kỹ năng:* Rèn kỹ năng vẽ hình, tính toán

*3- Thái độ*: Học tập tích cực

4 *-Xác định nội dung trọng tâm:* số đo cung, so sánh hai cung cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. Hiểu được nội dung định lý 1 và 2.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

- Bước đầu vận dụng được nội dung các định lý đã học vào giải một số bài tập liên quan.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Liên hệ giữa cung và dây | Các khái niệm “cung căng dây” và “dây căng cung” | So sánh hai cung.nội dung đ.lý 1 và ghi GT và KL của đ.lý? nội dung đ.lý 2 | - Vận dụng tính số đo cung, góc ở tâm. Hãy so sánh hai dây. | Chứng minh AB là đường trung trực của đoạn MN. Các Mệnh đề đảo. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (không kiểm tra)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| Có thể chuyển việc so sánh hai cung sang việc so sánh hai dây và ngược lại không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu kích thích khả năng tìm tòi kiến thức của học sinh.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Định lý 1 – cá nhân + cặp đôi**  Mục tiêu: Hs phát biểu và chứng minh được định lý  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẻ hình định lý 1 | |
| **\*Bước 1:**  Giáo viên vẽ hình 9,10/SGK.Yêu cầu HS vẽ theo.  *hình 9 hình 10*  H: Nếu ta cho hai cung nhỏ AB và CD bằng nhau.Em có nhận xét gì về độ dài của hai dây AB và CD?  HS: AB =ø CD  GV:Hãy đọc nội dung định lý 1 và ghi giả thiết và kết luận của định lý?  Gọi 1 HS lên bảng chứng minh. Cả lớp tự làm vào vở)  - Nêu định lý đảo của định lý trên.  -Ghi giả thiết, kết luận. (học sinh tự chứng minh)  **\*Bước 2:** Giáo viên yêu cầu Hs nhắc lại định lí | ***1. Định lý 1: (SGK)***   |  |  | | --- | --- | | GT | Cho đường tròn(O) | | KL | AB=CD |   a)  ***CM***: xét  và ta có:  ( liên hệ giữa cung và góc ở tâm).  OA = OB = OC = OD ( cùng bằng bán kính)  =  (c.g.c) AB= CD  b)   |  |  | | --- | --- | | GT | Cho đường tròn(O)  AB=CD | | KL |  |   ***CM***: xét  và ta có:  OA = OB = OC = OD ( cùng bằng bán kính)  AB= CD(gt)  =  (c.c.c) |
| **Hoạt động 2: Định lý 2 – Cá nhân**  Mục tiêu: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẻ hình định lý  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẽ hình | |
| **\*Bước 1:**  Giáo viên vẽ hình 11 SGK lên bảng.Yêu cầu HS vẽ theo.  Cho cung nhỏ AB lớn hơn cung nhỏ CD. Hãy so sánh hai dây AB và CD.  Sau khi học sinh trả lời giáo viên khẳng định nội dung định lý 2. Yêu cầu học sinh đọc lại nội dung trong SGK.  **\*Bước 2:** Giáo viên yêu cầu Hs nhắc lại định lí | ***2. Định lý 2: (SGK)***  - Trong một đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau ta có:  a)  AB > CD.  b) AB > CD |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Câu hỏi (MĐ1): Nhắc lại nội dung hai định lí vừa học?

Bài tập 11/sgk.tr72 (MĐ3):

a) Xét hai tam giác vuông ABC và ABD có :

AB chung; AC = AD (*2 đường kính của hai đường tròn bằng nhau)*

Do đó: ABC = ABD (*cạnh huyền và một cạnh góc vuông*).

Suy ra : BC = BD

Mà hai đường tròn bằng nhau nên  = 

b) E nằm trên đường tròn đường kính AD nên  = 900

Do BC = BD (*theo cmt*) nên EB là trung tuyến của tam giác ECD vuông tại E, và ta có: EB = BD

Vậy :  =  và B là điểm chính giữa cung EBD

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Về học bài theo vở ghi và SGK

+ BTVN: 10; 12; 13/sgk.tr71 + 72

**+** Xem trước bài: Góc nội tiếp

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§3. GÓC NỘI TIẾP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* Học sinh hiểu được định nghĩa, các định lí, hệ quả về góc nội tiếp trong đường tròn

*2 Kỹ năng:* Chứng minh nội dung định lý về góc nội tiếp trong đường tròn. Nhận biết ( bằng cách vẽ hình) và chứng minh các hệ quả của góc nội tiếp trong đường tròn. Biết cách phân chia các trường hợp.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm* : hiểu được định nghĩa, các định lí, hệ hệ quả về góc nội tiếp trong đường tròn.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt :Chứng minh nội dung định lý về góc nội tiếp trong đường trònvà chứng minh các hệ quả của góc nội tiếp trong đường tròn. Biết cách phân chia các trường hợp.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HS*:** Phát biểu các định lý về liên hệ giữa cung và dây cung trong đường tròn.  Giải bài tập 13 SGK | HS1 : Phát biểu đúng định lý (5đ)  Giải đúng bài tập (5đ)  ***Bài giải***:  Ta có: AB MNsđ= sđ  AB EFsđ= sđ  Do đó: sđ- sđ= sđ- sđ hay sđ= sđ= |

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv: Góc có đỉnh trùng với tâm gọi là góc ở tâm. Vậy góc có đỉnh nằm trên đường tròn và hai cạnh là hai cung được gọi là gì? Góc đó có những tính chất nào? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu Hs nắm được khái niệm góc nội tiếp và  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Định nghĩa góc nội tiếp – Cá nhân**  Mục tiêu: Hs nêu được định nghĩa góc nội tiếp. Xác định được đâu là góc nội tiếp  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của hs  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẽ hình | |
| Bước 1:  GV: Vẽ hình 13/sgk.tr73  GV: Có nhận xét gì về đỉnh và cạnh của góc BAC?  GV: Giới thiệu là góc nội tiếp trong (O)  GV: Vậy thế nào là góc nội tiếp?  HS: Đọc định nghĩa trong SGK  GV: Giới thiệu cung nằm trong góc gọi là cung bị chắn  GV: Nhìn hình vẽ cho biết cung bị chắn là cung nào?  Bước 2: Gv chốt lại định nghĩa | **1. Định nghĩa.**  là góc nội tiếp  là cung bị chắn |
| **Hoạt động 2: Tính chất của góc nội tiếp – Cá nhân + nhóm**  Mục tiêu: Hs phát biểu được tính chất của góc nội tiếp và áp dụng làm bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: NL tính toán, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẽ hình góc nội tiếp ở nhiều vị trí khác nhau | |
| Bước 1:  GV: Yêu cầu HS làm? 1  GV: Yêu cầu HS thực hành theo 3 nhóm (mỗi nhóm đo ở một hình trong thời gian ) đo góc nội tiếp và đo cung ( thông qua góc ở tâm ) trong hình 16, 17, 18/sgk.tr74  GV: So sánh số đo của góc nội tiếp với số đo của cung bị chắn? Rút ra nhận xét?  GV: Giới thiệu định lí và gọi HS đọc định lí trong SGK  GV: Yêu cầu HS nêu GT và KL của định lí ?  GV: Giới thiệu từng trường hợp, vẽ hình minh hoạ và HD chứng minh định lí trong mỗi trường hợp  a) **=** sđ**=**?  **=** +? =?  GV: Nếu sđ **=** 400 thì  **=?**  Tương tự giáo viên HD HS chứng minh trường hợp b bằng cách vẽ đường kính AD đưa về trường hợp a. Trường hợp tâm O nằm bên ngoài của  yêu cầu HS: về nhà thực hiện | **2. Định lí.** (sgk.tr73)   |  |  | | --- | --- | | GT | là góc nội tiếp () | | KL | **=** sđ |   **Chứng minh** (sgk.tr74) |
| **Hoạt động 3: Hệ quả - Cá nhân + nhóm**  Mục tiêu: Hs chứng minh được các hệ quả  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của hs  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL vẽ hình | |
| GV: Đưa bài toán sau lên bảng phụ:  *Cho hình vẽ có AB là đường kính và .*  *a) Chứng minh*  *b) So sánh  và*  *c) Tính*  GV: Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm để làm bài GV: Từ chứng minh câu a hãy cho biết trong một đường tròn nếu các góc nội tiếp cùng chắn một cung hoặc chắn các cung bằng nhau thì ta có điều gì?  GV: Ngược lại trong một đường tròn nếu các góc nội tiếp bằng nhau thì các cung bị chắn như thế nào?  GV: Khi góc nội tiếp nhỏ hơn hoặc bằng 900 ta suy ra mối liên hệ gì giữa góc nội tiếp và góc ở tâm?  GV: Nếu góc nội tiếp lớn hơn 900 thì tính chất trên còn đúng không?  GV: Nếu là góc nội tiếp chắn nửa đường tròn thì ta suy ra điều gì? | **3. Hệ quả. (** sgk.tr74 + 75 ***)***  Trong (O)  *\*  ⇒*  *\*  ==⇒*  *\**  = 900- |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

**Câu hỏi (MĐ1):** Nhắc lại các kiến thức trong bài?

**Bài tập 15/sgk.tr 75 (MĐ2):** a) Đ b) S

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Học bài cũ.

+ BTVN : 16, 17, 18 /sgk.tr75

+ Tiết sau luyện tập

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức*: Học sinh được củng cố các tính chất về góc nội tiếp, số đo góc nội tiếp, biết vận dụng các hệ quả để giải các bài tập có liên quan.

*2.Kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế.

*3.Thái độ:* Cẩn thận, linh hoạt

4 Xác *định nội dung trọng tâm* : Củng cố các tính chất về góc nội tiếp, số đo góc nội tiếp, biết vận dụng các hệ quả để giải các bài tập có liên quan.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt : NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp.NL áp dụng tính chất và hệ quả của góc nội tiếp để làm bài tập.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | Nắm vững các khái niệm: góc nội tiếp, đỉnh, cạnh của góc nội tiếp, cung bị chắn trong góc nội tiếp. | -Hiểu định lý và cách Chứng minh để áp dụng làm bài tập. | Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả của góc nội tiếp giai bài tập. Bài 21,23 sgk | Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả của góc nội tiếp giai bài tập áp dụng. Bài 24sgk |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:**

**Câu hỏi:** Phát biểu định nghĩa và định lí góc nội tiếp? (6đ) Vẽ góc ANC nôi tiếp (O) có số đo 350. (4đ)

**Đáp án:** Định nghĩa, định lí góc nội tiếp: sgk.tr72+73 – Hình vẽ của học sinh.

**Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Để nắm vững và vận dụng đượccác kiến thức đã học về góc nội tiếp, góc ở tâm thì ta nên làm gì? | Giải nhiều bài tập |
| Mục tiêu: Giúp học sinh hứng thú học tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Bài tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải một số bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. NL vẽ hình | |
| GV: Yêu cầu HS làm bài tập 19/sgk.tr75. Gọi HS đọc đề bài và gọi một HS lên sửa bài về nhà.  GV: Yêu cầu HS dưới lớp nhận xét, sửa sai nếu có.  GV: Nhắc lại tính chất đã vận dụng trong bài?  GV: Nếu HS vẽ SAB nhọn thì giới thiệu thêm trường hợp nếu SAB tù ( hoặc ngược lại )  GV: Yêu cầu HS đọc đề bài 20 SGK và nêu yêu cầu của đề?  GV: Nêu cách chứng minh ba điểm thẳng hàng? Vậy trong bài này để chứng minh C, B, D thẳng hàng ta làm như thế nào?  GV: Yêu cầu HS đọc đề bài 21 SGK và nêu yêu cầu của đề?  GV: Ta có đường tròn (O) và (O’) là hai đường tròn bằng nhau nên có nhận xét gì về cung  và ?  GV: Mà =? và =? Suy ra  như thế nào với ? Vậy MBN là tam giác gì?  HS: Lên trình bày bài giải  .  GV: Yêu cầu HS đọc đề bài 23 SGK  GV: Xác định yêu cầu của đề?  GV: Để chứng minh MA.MB = MC.MD ta làm như thế nào?  ***Hướng dẫn:*** Xét hai trường hợp  GV: Yêu cầu HS hoạt động theo 2 nhóm làm bài tập trên, nửa lớp xét trường hợp điểm M nằm bên trong đường tròn và nửa lớp còn lại làm trường hợp điểm M nằm bên ngoài đường tròn.  GV: Kiểm tra hoạt động của các nhóm, gọi HS nhận xét, ghi điểm. | **Bài tập 19/sgk.tr75:**  Ta có  *(góc nội tiếp chắn*  *nửa đường tròn )*  Suy ra BM SA, AN  SB  Vậy BM và AN là hai đường  cao của SAB suy ra H là trực tâm  Do đó SH thuộc đường cao thứ 3 ( Ba đường cao của tam giác đồng quy )  Suy ra SH  AB  **Bài tập 20/sgk.tr76:**  Nối BA, BC, BD  ta có:  =  = 900  ( góc nội tiếp chắn nửa đường tròn )  ⇒ + = 1800 ⇒ C, B, D thẳng hàng.  **Bài tập 21/sgk.tr76:**  Vì đường tròn (O) và (O’) là hai đường tròn bằng nhau, mà cùng  căng dây AB  ⇒ =  Theo định lí góc nội tiếp  ta có: =  sđ  và  =  sđ  ⇒  =  Vậy  MBN cân tại B  **Bài tập 23/sgk.tr76 :**  a) Trường hợp M nằm bên trong đường tròn  xét MAC và  MDB có  ( đối đỉnh )  ( hai góc nội tiếp  cùng chắn )  ⇒ MAC   MDB ( g-g)  ⇒ ⇒ MA.MB = MC.MD  b) Trường hợp M nằm bên  ngoài đường tròn:  Vì  MAD  MCB ( g-g)  ⇒ MA.MB = MC.MD |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

a) Góc nội tiếp là góc có đỉnh nằm trên đường tròn và có cạnh chứa dây cung của đường tròn

b) Góc nội tiếp luôn có số đo bằng nửa số đo của cung bị chắn.

c) Hai cung chắn giữa hai dây song song thì bằng nhau.

*(Đáp án 1- S ; 2 – Đ ; 3 – Đ)*

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Về xem lại các bài tập đã giải. Làm phần bài còn lại trong SGK.

+ Xem trước bài “góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung”.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§4. GÓC TẠO BỞI TIA TIẾP TUYẾN VÀ DÂY CUNG**

**A. MỤC TIÊU**:

*1 - Kiến thức:* Học sinh hiểu được định nghĩa, nội dung định lý về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung trong đường tròn.

*2- Kỹ năng:* Vận dụng vào giải một số bài tập liên quan, rèn luyện tư duy lôgic trong chứng minh hình học.

*3- Thái độ:* Linh hoạt, tập trung.

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt :Chứng minh nội dung định lý về góc nội tiếp trong đường trònvà chứng minh các hệ quả của góc nội tiếp trong đường tròn. Biết cách phân chia các trường hợp.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. | -Khái niệm về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung trong đường tròn. | Nắm đònh lyù và cách Chöùng minh. | Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả của góc nội tiếp giai bài tập áp dụng. Bài 15 sgk | Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả của góc nội tiếp giai bài tập áp dụng |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (không kiểm tra)

**Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv đvđ: Ta biết góc nội tiếp có đỉnh nằm trên đường tròn và hai cạnh là hai dây. Nhưng nếu bây giờ một cạnh của góc trên là tiếp tuyến của đường tròn thì ta gọi tên là góc gì? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu Hs nắm được khái niệm góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung – Cá nhân + cặp đôi**  Mục tiêu: Hs Nêu được khái niệm và xác định được đâu là góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.  NLHT: Năng lực ngôn ngữ, tự học, suy luận | |
| Bước 1 Yêu cầu HS nghiên cứu cá nhân kỹ hình 22 SGK và trả lời các câu hỏi :  GV: Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung là gì?  GV: Nhận biết các cung bị chắn trong từng trường hợp ở hình 22 SGK  HS hoạt động theo bànthực hiện ?**1**  GV treo bảng phụ có vẽ sẵn hình 23, 24, 25, 26 trang 77 SGK. HS đứng tại chỗ trả lời, các HS khác tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại  Gợi ý HS vận dụng định nghĩa góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung ở đầu bài để giải thích  H: Một góc là góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung phải thỏa mãn bao nhiêu yếu tố?  HS thực hiện làm vào phiếu học tập, 3 HS lên bảng trình bày ?**2**  GV: Kiểm tra một vài phiếu học tập, chữa bài trên bảng, chốt lại  Dẫn dắt HS trả lời phần b)  Bước 2: Giáo viên chốt lại vấn đề | **1.** **Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.**  **(**sgk.tr77) x  (*hoặc* ) là *góc*  *tạo bởi tia tiếp tuyến*  *và dây cung y*  - Góc  có *cung bị chắn*  là cung nhỏ AB, góc có *cung bị chắn* là cung lớn AB  **?1** *Vì* :  *Ở hình 23, 25* không có cạnh nào của góc là tia tiếp tuyến của đường tròn (O)  *Ở hình 24* không có cạnh nào của góc chứa dây cung của đường tròn (O)  *Ở hình 26* đỉnh của góc không nằm trên đường tròn  **?2**  a) |
| **Hoạt động 2: Định lý và hệ quả - Cá nhân + Nhóm**  Mục tiêu: Hs phát biểu và chứng minh được định lý và hệ quả  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: Năng lực tự học, suy luận, giải quyết vấn đề | |
| Bước 1:  GV giới thiệu, HS đọc định lý mục 2/sgk.tr78  HS đọc SGK, GV dẫn dắt HS trình bày trường hợp a), b) chứng minh như SGK. GV chốt lại  GV gợi ý HS về nhà chứng minh trường hợp c) còn lại  GV: Treo hình vẽ 28 lên bảng phụ. HS thực hiện?**3** vào phiếu học tập, GV gọi HS lên bảng trình bày, dưới lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung, GV chốt lại  GV: Gợi ý HS rút ra nhận xét từ kết quả ?**3** (*từ* (1) *và* (2) *suy ra được điều gì?*)  HS: Suy nghĩ trả lời  GV: Dẫn dắt HS phát biểu nội dung hệ quả SGK  HS: Phát biểu hệ quả  Bước 2: Gv chốt lại vấn đề | **2. Định lí.**  (sgk.tr78)  **Chứng minh :**  a) *Tâm* O *nằm trên cạnh chứa dây cung:* (*sgk.tr78*)  b) *Tâm* O *nằm bên ngoài*  (sgk.tr78)  c) *Tâm* O *nằm bên trong*  ( HS về nhà tự chứng minh)  **?3** Theo hình vẽ  Ta có: = sđ (1)  (*định lý về số đo của góc*  *tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung*)  = sđ (2)(*định lý về số đo của góc nội tiếp* )  Từ (1) và (2) suy ra :  =  **3. Hệ quả.** (sgk.tr79) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

**Câu hỏi (MĐ1):** Nhắc lại nội dung định nghĩa, định lý và các hệ quả vừa học trong bài.

+GV cho HS giải bài tập 27 SGK. **(M2)**

+ GV vẽ hình trên bảng

Kết quả: ( cùng bằng )

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Học bài theo vở ghi và SGK

+ BTVN: 27, 28, 29 /sgk.tr78.

+ Chuẩn bị các bài tập tiết sau luyện tập

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* Học sinh được củng cố tính chất về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.

*2 Kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm.* Củng cố tính chất về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế **II B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | Phát biểu định lý và hệ quả về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung | Vẽ hình và ghi giả thiết và kết luận. | Vận dụng đ.n định lý và hệ quả của góc tao bởi tia tiếp tuyến và dây cung giai bài tập áp dụng. Bài 33 sgk | Vận dụng đ.n, định lý và hệ quả của góc tao bởi tia tiếp tuyến và dây cung giai bài tập áp dụng. Bài 34 sgk |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (trong các hoạt động)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| -HS: Phát biểu định lý và hệ quả về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.  Chữa bài tập 32 trang 80 SGK.. | HS: Phát biểu đúng (5đ)  BT 32: (5đ)  ***Giải***: Theo đề bài ta có  là góc tạo bởi  tia tiếp tuyến và dây cung nên  mà (góc ở tâm)  Lại có:( vì ) |
| Mục tiêu: Củng cố lại các kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh. | |

**4. Bài tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức đã học vào các bài tập cụ thể.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh  NLHT: NL giải các bài toán về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. | |
| *Bước 1: Giáo viên tổ chức cho Hs làm các bài tập*  *Bài tập 33p*  +GV cho 1 HS đọc to đề bài tập 33 sgk  +Gọi 1 học sinh lên bảng vẽ hình và ghi giả thiết và kết luận. Cả lớp tự làm vào vở bài tập.  +GV hướng dẫn học sinh phân tích đề bài.  AM.AM = AC.AN          Vậy cần chứng minh  ~  + Em hãy nêu cách trình bày bài giải.  ( gọi 1HS lên bảng trình bày)  + GV cho 1 HS đọc to đề bài tập 34 sgk.  + Gọi 1 học sinh lên bảng vẽ hình và ghi giả thiết và kết luận. Cả lớp tự làm vào vở bài tập.  GV hướng dẫn học sinh phân tích đề bài.  +GV hướùng dẫn học sinh phân tích đề bài.  MT2 = MA.MB          + Em hãy nêu cách trình bày bài giải.  ( gọi 1HS lên bảng trình bày)  *Bước 2: Củng cố*  GV chốt lại các kiến thức đã học dùng để làm các bài tập trên, | ***Bài33 SGK:***   |  |  | | --- | --- | | GT | Cho A,B,C(O)  At là tiếp tuyến của (O) tại A.  d//At;d cắt AC và AB tại N vàM. | | KL | AM.AM=AC.AN |   ***Giải***:  Ta có:  ( vì d//AC.)    ( cùng chắn cung AB)    Xét  và  ta có :  ( c/m trên)  chung  Nên:  (g-g)  hay AM.AM=AC.AN (đpcm)  ***Bài34 SGK:***   |  |  | | --- | --- | | GT | +MT là tiếp tuyến của (O) tại T.  +Cát tuyến MAB. | | KL | MT2=MA.MB |   ***Giải***:  Xét  và  ta có :  ( cùng chắn cung TA)  chung  Nên:   ( g-g)  hay MT2=MA.MB (đpcm) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

a/ Câu hỏi ; Phát biểu định lý và hệ quả về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.(M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Cần học thuộc các định lý, hệ quả của góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.

+ Làm các bài tập còn lại trong SGK.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§5. GÓC CÓ ĐỈNH BÊN TRONG, BÊN NGOÀI ĐƯỜNG TRÒN**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. Biết cách tính số đo của góc đó.

*2 Kỹ năng:* Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập

Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm.* HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. Biết cách tính số đo của góc đó. Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. Biết Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập, bài toán thực tế.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| góc có đỉnh ở bên trong đường tròn -góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn | K/niệm góc có đỉnh ở bên trong đường tròn -góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn. | Phát biểu định lý và hệ quả về Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn. | Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn giai bài tập áp dụng. Làm bài tập 37 tr 82 sgk : | chứng minh đc định lý Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (không kiểm tra)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Gv đưa mô hình về góc ở tâm, góc nội tiếp và góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. Sau đó Gv dời đỉnh của góc ra ngoài và vào trong đường tròn. Yêu cầu Hs nêu dự đoán tên gọi của góc | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu Hs làm quen với khái niệm góc có đỉnh bên trong, bên ngoài đường tròn.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của học sinh | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn – cá nhân + cặp đôi**  Mục tiêu: Hs phát biểu được đ.n góc có đỉnh bên trong đường tròn, chứng minh được định lý 1  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Đ.n và tính chất của góc có đỉnh bên trong đường tròn.  NLHT: NL tự học, hợp tác, sử dụng công cụ vẽ. | |
| Bước 1: Gv Vẽ hình và giới thiệu góc có đỉnh bên trong đường tròn. Qui ước cung bị chắn  H.chắn những cung nào ?  H**.** Góc ở tâm có phải là góc có đỉnh ở bên trong đường tròn không ?  GV**.** Gọi HS đọc to định lí  GV**.** Gợi ý c/m : TaÏo ra các góc nội tiếp chắn  GV**.** Gọi một HS c/m  GV**.** Yêu cầu HS làm BT 36 tr 82 SGK    GV**.** Phân tích đi lên  AEH cân      GV**.** Yêu cầu HS hoạt động nhóm từ 3 đến 4 phút  GV**.** Gọi một HS đại diện nhóm trình bày bài giải  GV**.** Đưa các hình 33, 34, 35 lên bảng phụ và giới thiệu góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn.  Bước 2: Gv chốt lại vấn đề. | 1. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn :  \*KN: Gọi là góc có đỉnh  ở bên trong đường tròn  (O) chắn hai cung  và  ***\**** *Định lí : (sgk)*  ?1  Nối D với B. Theo định nghĩa góc nội tiếp ta có:    Mà  (góc ngoài của tam giác ) |
| **Hoạt động 2: Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn – Cá nhân + Nhóm**  Mục tiêu: Hs phát biểu được đ.n góc có đỉnh bên ngoài đường tròn, chứng minh được định lý 2  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Đ.n và tính chất của góc có đỉnh bên ngoài đường tròn.  NLHT: NL tự học, hợp tác, sử dụng công cụ vẽ. | |
| Hoạt động 2 (20p)    GV**.** Gọi HS đọc định lí sgk  H**.** Với nội dung đ/l ta cần c/m điều gì ?  GV**.** Cho HS c/m từng trường hợp  - TH 1 : Hai cạnh của góc là cát tuyến.  - TH 2 : Một cạnh của góc là cát tuyến, 1 cạnh là tiếp tuyến.  - TH 3 : Hai cạnh đều là tiếp tuyến.  GV**.** Gợi ý tạo ra các góc nội tiếp trong trường hợp 1  GV. TH 2 và TH 3 học sinh về nhà c/m  Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn | 2. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn **:**    \*KN:Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn là góc:  - Có đỉnh nằm ngoài đường tròn.  - Các cạnh đều có điểm chung với đường tròn ( có 1 hoặc 2 điểm chung )  \*ĐL:  ?2 C/m **:** TH 1 : Nối A và C. Ta có  là góc ngoài của tam giác AEC  Mặt khác : (định lí góc nt ) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

C1. Nhắc lại định lí góc có đỉnh ở bên trong đường tròn và góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn.(M2)

C2.Làm bài tập 37 tr 82 sgk :.(M3)

Ta có

sđ (đ/l góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn)



 ( đ/l góc nội tiếp )

Mà AB = AC (gt) . Vậy 

*b. Hướng dẫn về nhà*

Về nhà hệ thống các loại góc với đường tròn.

Biết áp dụng các định lí.làm các bài tập 38.39.40 SGK. Chuẩn bị tiết sau luyện tập.

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. Biết cách tính số đo của góc đó.

*2 Kỹ năng:* Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập

Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm.* HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. Biết cách tính số đo của góc đó. Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. Biết Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập, bài toán thực tế.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | -K/niệm Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn -Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn. | - Phát biểu định lý và hệ quả về Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn. | - Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn giai bài tập áp dụng. Làm bài tập 40 tr 82 sgk : | - Vận dụng định nghĩa, định lý và hệ quả Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn giai bài tập áp dụng. Bài tập 42 tr 82 sgk : |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (trong các hoạt động)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Phát biểu và chứng minh định lí về góc có đỉnh bên trong đường tròn?  H: Phát biểu và chứng minh định lí về góc có đỉnh bên ngoài đường tròn? | Hs trả lời như sgk |
| Mục tiêu: Hs được củng cố lại các kiến thức đã học  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của hs. | |

**4. Bài tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải một số bài tập cụ thể.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của hs.  NLHt: NL vẽ hình, suy luận, chứng minh hình học. | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 40/83/sgk. 30p  GV**:**GọiHS đứng tại chỗ nêu cách chứng minh  GV. Yêu cầu HS theo dõi và nhận xét  GV: Nhận xét( chỉnh sửa, nếu cần) và nhắc HS ghi chép vào vở  GV**.** Gọi HS đề bài 41 /83 SGK  H**.** Hãy vẽ hình vàviết GT-KL?  GV**:**GọiHS đứng tại chỗ nêu cách chứng minh  GV: Yêu cầu HS theo dõi và nhận xét  GV: Nhận xét( chỉnh sửa, nếu cần) và nhắc HS ghi chép vào vở  Bài 42/83/sgk: | ***Bài 40/83/ SGK***  là góc có đỉnh ở ngoài đường  tròn tâm O, nên (1)  là góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, nên  (2)  Mà  (3)  Từ(1), (2), (3) suy ra:=ASD cân tại S SA = SD  Bài 41/83/sgk:  sđ  và sđ  sđ()=  sđ  Suy ra:  ***Bài 42/83/sgk:***  Gọi E là giao điểm của AP và QR  a) Ta có  = sđ  = sđ sđ  = sđ  = . 3600 = 900  Suy ra: AP  QR tại E  b)  = sđ  (1)  và  = sđ  (2)  Mà  và  (3)  Từ (1), (2), (3) suy ra:  =  CIP cân |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

C1. Nhắc lại định lí góc có đỉnh ở bên trong đường tròn và góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn.(M2)

C2.Làm bài tập 37 tr 82 sgk :.(M3)

Ta có

sđ (đ/l góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn)

 ( đ/l góc nội tiếp )

Mà AB = AC (gt) . Vậy 

*b. Hướng dẫn về nhà*

Về nhà hệ thống các loại góc với đường tròn.

- Cần hiểu sâu các định lí, các khái niệm về góc có đỉnh bên trong, bên ngoài đường tròn.

-Làm các bài tập 40;42;/83/sgk. Chuẩn bị trước bài học 6. vẽ bảng phụ H.40;41;42.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§6. CUNG CHỨA GÓC**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* : Học sinh hiểu và bước đầu trình bày bài toán quỹ tích, đặc biệt là quỹ tích của cung chứa góc 90o.

*2 Kỹ năng:* Vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập. Biết vận dụng các tính chất trên vào bài tập dựng hình, bài toán thực tế.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm.* Vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt: NL Vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản. Biết Vận dụng được các định lí để chứng minh các bài tập, bài toán thực tế.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **CUNG CHỨA GÓC** | Bài toán quỹ tích Cung chứa góc | Cách vẽ cung chứa góc | Cách giải bài toán quỹ tích: | Vận dụng Cách vẽ cung chứa góc. bài tập 46 sgk |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ: (**Kiểm tra vở bài tập của một số học sinh.**)**

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Cho đoạn thẳng AB và góc  (00 <  < 1800). Hãy xác định điểm M sao cho ? Có bao nhiêu điểm M thỏa mãn điều kiện trên? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu hình thành khái niệm cung chứa góc  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của hs. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Bài toán quỹ tích “ Cung chứa góc” – Cá nhân + cặp đôi**  Mục tiêu: Hs vẽ được cung chứa góc, nêu được kết luận về cung chứa góc.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của hs.  NLHt: | |
| Bước 1: GV: nêu đề bài “Hãy tìm tập hợp các điểm M nhìn đoạn thẳng AB cho trước một góc ”.  GV cho HS làm ?1.  GV : Em hãy so sánh các đoạn thẳng ON1; ON2; ON3. từ đó rút ra kết luận.  GV: Cho HS làm miệng sau đó tự HS làm **?1** vào vở học.  GV: *hướng dẫn HS làm làm* ***?2*** *ở nhà*. Vậy quỹ tích (tập hợp) các điểm M thỏa mãn  là gì?  GV: *Phần thuận và phần đảo của bài toán các em không chứng minh mà chỉ tham khảo ở SGK*  HS đọc phần kết luận trong SGK.  GV: Trình bày cho HS phần chú ý trong SGK  H: Em hãy nêu các bước dựng cung AmB chứa góc ?  HS phát biểu theo SGK.  H:Để giải một bài toán quỹ tích ta thường làm các bước như thế nào?  Bước 2: Gv giải tích rõ hai phần trên và nêu kết luận quỹ tích. | 1) *Bài toán quỹ tích “ Cung chứa góc”*:  *a/Bài toán:* Cho đoạn thẳng AB và góc  (00 <  < 1800). Tìm quỹ tích (tập hợp) các điểm M thỏa mãn  **?1** (SGK)  **?2**( SGK)  \* Phần thuận:(SGK)  \* Phần đảo: (SGK)  *\* Kết luận*:Với đoạn thẳng AB và góc  cho trước (00<<1800)thì quỹ tích M thỏa mãn là hai cung chứa góc  dựng trên đoạn thẳng AB.  *Chú ý*:  + Hai cung chứa góc  là hai cung tròn đối xứng nhau qua AB.  + Hai điểm A, B được coi là thuộc quỹ tích.  + Khi thì hai cung AmB và Am’B là hai nửa đường tròn đường kính AB hay Quỹ tích của các điểm nhìn đoạn thẳng AB cho trước dưới một góc vuông là đường tròn đường kính AB.  +Trong hình trên, nếu  chứa góc  thì  chứa góc 180 - .  b/ *Cách vẽ cung chứa góc* (SGK) |
| **Hoạt động 2: Cách giải bài toán quỹ tích – Cá nhân.**  Mục tiêu: Hs vẽ được cung chứa góc  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm:  NLHT: | |
| GV: Yêu cầu HS nêu lại cách giải bài toán quỹ tích.  GV: Giới thiệu chi tiết cách vẽ cung chứa góc trên bảng theo từng bước như SGK  GV: Minh họa cách vẽ cung chứa góc qua bài bài 46/sgk | 2) *Cách giải bài toán quỹ tích*:  Muốn chứng minh quỹ tích( tập hợp) các đểm M thỏa mãn tính chất T là một hình H nào đó, ta phải chứng minh hai phần:  *Phần thuận*: mọi điểm thuộc tính chất T đều thuộc hình H.  *Phần đảo:*Mọi điểm thuộc hình H đều có tính chất T  *Kết luận*:Quỹ tích( tập hợp) các điểm M có tính chất T là hình H. |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Vậy quỹ tích ( tập hợp) các điểm M thỏa mãn  là gì?(M1)

GBT *Bài toán quỹ tích Cung chứa góc*  *(M2)*

Bài 46/86/sgk

-Dựng đoạn thẳng AB =3cm; Dựng  =550; Dựng tia Ay vuông góc với Ax

-Dựng đường trung trực d của đoạn thẳng AB.Gọi O là giao điểm của d và Ay,

O chính là tâm cung tròn dựng trên đoạn thẳng AB dưới góc 550 cho trước.

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Xem lại nội dung bài học và các ví dụ.

- Về nhà làm bài tập 44,45,49/86;87/SGK, chuẩn bị tiết sau luyện tập.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *Kiến thức*: *Vận dụng* các kiến thức vừa học về cung chứa góc để giải các bài tập liên quan

-Củng cố, khắc sâu các kiến thức về bài toán quỹ tích, cách vẽ cung chứa góc , cách giải bài toán quỹ tích

.*2.Kĩ năng*: Vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản

*3.Thái độ*: Có tính hợp tác cao

*4.Nội dung trọng tâm của bài*: Cung chứa góc

*5.Hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề; NL hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: NL tính toán, NL vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Cung chứa góc | Các bước giải bài toán quỹ tích | Nêu được quỹ tích của cung chứa góc 90o | Vận dung quỹ tích cung chứa góc  vào bài toán quỹ tích và dựng hình đơn giản | Vận dung quỹ tích cung chứa góc vào bài toán quỹ tích và dựng hình phức tạp |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (kết hợp trong các hoạt động)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Cung của một góc trong đường tròn tâm O như thế nào?  H: Để giải một bài toán quỹ tích ta thường làm các bước như thế nào?  H: Hãy tìm tập hợp các điểm M nhìn đoạn thẳng AB cho trước một góc ”. | Hs trả lời |
| Mục tiêu: Hs bước đầu được hình thành các kiến thức cần thiết để giải một bài toán quỹ tích  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Cách giải bài toán quỹ tích. | |

**4. Bài tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức đã học vào giải một số bài tập cụ thể.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Bài làm của học sinh.  NLHT: NL giải các bài toán quỹ tích. | |
| -1HS lên bảng làm bài tập 45/86 SGK, GV dẫn dắt HS cả lớp cùng hoàn thiện bài tập trên bảng, HS sửa vào vởGV gợi ý :  **?***Hai đường chéo của hình thoi như thế nào với nhau?*  **?***Điểm* O *luôn nhìn đoạn AB cố định dưới một góc thế nào?*  **?***Kết luận về quỹ tích của điểm O?*  -1HS tiếp tục lên bảng làm bài tập 46 trang 86 SGK, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. GV sữa chữa, chốt lại. HS ghi vào vởs  GV *gợi ý* :  -Dưạ vào cách vẽ cung chưá góc đã học trong bài | Bài 45/86  Ta đã biết đường chéo của hai hình  thoi vuông góc với nhau,  *Vậy* điểm O nhìn AB cố định dưới  góc 900. Quỹ tích của điểm O là  nửa đường tròn đường kính AB  Bài 46/86:  -Dựng đoạn thẳng  AB = 3cm (*dùng thước*  *có chia khoảng*)  -Dựng góc xÂB = 550(*dùng thước đo góc và thước thẳng*)  -Dựng tia Ay vuông góc với Ax tia (*dùng ê ke*)  -Dựng đường trung trực của đoạn thẳng AB(*dùng thứớc có chia khoảng và ê ke*)  Gọi O là giao điểm của Ay với d  -Dựng cung AmB, bán kính OA sao cho cung này nằm ở nửa mặt phẳng bờ AB không chứa tia Ax (*dùng compa*)  Cung AmB là cung cần dựng |
| -HS *hoạt động nhóm* làm câu a) và *phần thuận* bài tập 50/87SGK.  -GV gợi ý :  **?**BMA *là góc gì đối với đường tròn*?  **?***Dựa vào tam giác vuông* BMI *xác định* tgAIB = ?  *Từ đó suy ra số đo của góc AIB?Rút ra kết luận*  **?***Nhận xét về điểm* I *khi điểm* A *chuyển động?*  **?***Vậy điểm* I *thuộc đâu?*  -GV lưu ý HS khi M  A | Bài 50/87:  Ta có:  a)Vì BMA = 900 ( *góc nội tiếp chắn*  *nữa đường tròn*), nên  trong tam giác vuông  BMI có:  tgAIB =  AIB  Vậy: AIB là một góc  không đổi  b) *Phần thuận*:  Khi điểm M  chuyển động trên  đường tròn đường  kính AB thì điểm I  cũng chuyển động, nhưng luôn nhìn đoạn thẳng AB cố định dưới góc 26034’  *Vậy*: điểm I thuộc hai cung chứa góc 26034’ dựng trên đoạn thẳng AB (*hai cung* AmB *và* Am’B)  Khi M  A thì cát tuyến AM trở thành tiếp tuyến A1AA2  Khi đó, điểm I  A1 hay A2  Vậy : *Điểm* I *chỉ thuộc hai cung*  *Phần đảo*:  Lấy điểm I’ bất kỳ thuộc A1mB *hoặc* A2m’B, I’A cắt đường tròn đường kính AB tại M’. Trong tam giác vuông BM’I’, có tgI =  *Do đó*: M’I’ = 2M’B  *Kết luận*:  Quỹ tích các điểm I là hai cung chứa góc 26034’ dựng trên đoạn thẳng AB (A1A2  AB tại A) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

-GV chốt lại vấn đề về quỹ tích qua tiết luyện tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Xem lại các bài tập đã giải-Làm thêm các bài tập 48, 49, 51, 52 /87 SGK.

\**HD* :Bài 48/87: Xét trường hợp đường tròn tâm B có bán kính nhỏ hơn BA và bán kính là BA

-Soạn bài “*Tứ giác nội tiếp*”

-Đọc SGK, soạn **?1,?2,** vẽ các hình 43, 44, 45, 46 trang 88 SGK, kẻ bảng bài tập 53 trang 89

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§7. TỨ GIÁC NỘI TIẾP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức*: HS hiểu được thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn, hiểu được có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kỳ đường tròn nào. Nắm được điều kiện để một tứ giác nội tiếp đường tròn (ĐK cần và đủ).

*2.Kĩ năng*: Vận dụng được các định lí để giải bài tập liên quan đến tứ giác nội tiếp.

*3. Thái độ:* Cẩn thận, chu đáo.

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-Hiểu được* thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn

*- Nắm được* điều kiện để một tứ giác nội tiếp được (*điều kiện ắt có và điều kiện đủ*)

. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| TỨ GIÁC NỘI TIẾP | - *Hiểu được* thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn. | - *Chứng minh định lý* là một tứ giác nội tiếp đường tròn. | - Vận dụng định nghĩa, định lý tứ giác nội tiếp đường tròn. giai bài tập áp dụng. | - Vận dụng các kiến thức đã học chứng minh định lí đảo tứ giác nội tiếp. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập của một số học sinh.

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Các em đã được học về tam giác nội tiếp đt, ta luôn vẽ được đt đi qua 3 đỉnh của tam giác. Vậy với tứ giác thì sao? Có phải bất kì tứ giác nào cũng nội tiếp được đt không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Hiểu được thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn , hiểu được có những tứ giác nội tiếp được và có.những tứ giác không nội tiếp được bất kỳ đường tròn nào.Nắm được điều kiện để một tứ giác nội tiếp đường tròn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Vận dụng được các định lí để giải bài tập liên quan đến tứ giác nội tiếp | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| **Hoạt động 1:** Khái niệm tứ giác nội tiếp  Mục tiêu: Nêu được thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Khái niệm tứ giác nội tiếp đường tròn  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. | |
| \*Bước 1:  GV: cho HS thực hiện ?1a,b  GV : Giới thiệu đó là một tứ giác nội tiếp ở bảng phụ.  H : Hãy nêu ĐN thế nào là một tứ giác nội tiếp ?  \*Bước 2:  HS:Đứng tại chỗ nêu và 1 HS khắc nhắc lại  GV: Để hiểu hơn về tứ giác nội tiếp ta đi tìm hiểu các định lí sau | 1. Khái niệm tứ giác nội tiếp :    \* ĐN : (SGK)  \*VD : Tứ giác ABCD là tứ giác nội tiếp  Tứ giác MNPQ không là tứ giác nội tiếp |
| **Hoạt động 2:** Định lí  Mục tiêu: Nêu được điều kiện để một tứ giác nội tiếp đường tròn (ĐK cần và đủ).  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Định lý thuận và đảo.  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. | |
| \*Bước 1:  HS giải ? 2  GV: Tứ giác ABCD nội tiếp đường tron ø tâm O, em hãy chứng minh ?  HS: chứng minh  GV: Tương tự ta cũng chứng minh được  H :em có nhận xét gì về số đo của hai góc đối diện của một tứ giác nội tiếp?  GV Giới thiệu định lí và yêu cầu HS nêu định lí thuận, vài HS khác nhắc lại  \*Bước 2:  GV : Hãy thành lập mệnh đề đảo của ĐL vừa chứng minh.  *GV: Cho HS đọc phần chứng minh* ĐL đảo và cho vài HS khác nhắc lại  GV: yêu cầu HS viết GT-KL của định lí  +) ĐL cho gì ? Phải chứng minh điều gì ?  GV: Cho HS tham khảo cách chứng minh ở SGK ( không yêu cầu HS chứng minh) | 2. Định lý :  GT Cho tứ giác ABCD nội tiếp ( O ).  KL  và .  Chứng minh:  Góc A và góc C là hai góc nội tiếp, nên:  sđ  *Định lí* ***: Trong một tứ giác nội tiếp, tổng số đo hai góc đối nhau bằng 1800.***  3/Định lý đảo :  **Nếu một tứ giác có tổng số đo hai góc đối nhau bằng 1800 thì tứ giác đó nội tiếp được đường tròn**  GT Tứ giác ABCD có  KL Tứ giác ABCD nội tiếp  Chứng minh : (SGK) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

GV: Chốt lại toàn bài học bằng cách cho HS nhắc lại nội dung 2 định lí (M1)

**-** Làmbài 57/89/sgk: (M2)

Đáp án: Hình chữ nhật, hình vuông,hình thang cân nội tiếp được đường tròn.

**-** Làm bài tập 53/89/sgk (M3)

GV: Yêu cầu HS thảo luận nhóm, sau đó đại diện nhóm lên bảng điền vào bảng phụ bài 53/ 89/ sgk

Các nhóm khác nhận xét và nêu kết quả của nhóm mình và đưa ra ý kiến khác, sau đó GV đưa kết quả đã viết sẵn để HS thấy.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TH  Góc | 1) | 2) | 3) | 4) | 5) | 6) |
|  | **800** | 750 | **600** | (00<<1800) | 1060 | **950** |
|  | **700** | 1050 | (00<<1800) | **400** | **650** | 820 |
|  | 1000 | **1050** | 1200 | 1800 - | **740** | 850 |
|  | 1100 | **750** | 1800 - | 1400 | 1150 | **980** |

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Về nhà: Học bài và làm BT 54; 56; 57/ 89 và vẽ H 47/89/sgk, chuẩn bị trước bài tập phần luyện tập tiết sau luyện tập.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *Hiểu được* thế nào là một tứ giác nội tiếp đường trònVận dụng các kiến thức vừa học về tứ giác nội tiếp để giải các bài tập liên quan. Củng cố, khắc sâu các kiến thức về các dạng góc đã học: góc có đỉnh ở bên trong, ở bên ngoài đường tròn... *Biết rằng* có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kỳ đường tròn nào

*2 Kỹ năng:* *Sử dụng* tính chất của tứ giác nội tiếp trong làm toán.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-Hiểu được* thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn

*- Nắm được* điều kiện để một tứ giác nội tiếp được (*điều kiện ắt có và điều kiện đủ*)

. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| LUYỆN TẬP TỨ GIÁC NỘI TIẾP | - *Hiểu được* thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn. | - *Chứng minh định lý* là một tứ giác nội tiếp đường tròn. | - Vận dụng định nghĩa, định lý tứ giác nội tiếp đường tròn. Giải bài tập áp dụng. | - Vận dụng định nghĩa, định lý tứ giác nội tiếp đường tròn. giai bài tập áp dụng. |

**E. TIẾN TrÌnH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (kết hợp bài mới)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Để hiểu kỹ hơn về tứ giác nội tiếp, tiết học hôm nay chúng ta sẽ được luyện tập | Hs lắng nghe |
| Mục tiêu: Hs hiểu kỹ hơn được thế nào là một tứ giác nội tiếp đường tròn , hiểu được có những tứ giác nội tiếp được và có.những tứ giác không nội tiếp được bất kỳ đường tròn nào.Nắm được điều kiện để một tứ giác nội tiếp đường tròn ( ĐK cần và đủ )  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Vận dụng được các định lí để giải bài tập liên quan đến tứ giác nội tiếp. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học để làm bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Làm được các bài tập cụ thể.  NLHT: NL tính toán, NL tư duy, NL quan sát, NL vận dụng, NL hợp tác, giao tiếp. | |
| \*Bước 1:  -1HS lên bảng làm bài tập 55/89 SGK, GV vừa kiểm tra vở bài tập, vừa dẫn dắt HS cả lớp cùng hoàn thiện bài tập trên bảng, HS sửa vào vở  GV gợi ý :  **?***Nhận xét lần lượt về các tam giác* MBC, MAB, MAD, MCD*?Từ đó suy ra cách tính các góc* BCM, AMB, AMD, MDC?  **?***Có nhận xét gì về tổng các góc* DMC, AMD, AMB, BMC*?Từ đó suy ra cách tính góc DMC?*  **?***Tứ giác ABCD là tứ giác gì đối với đường tròn* (M)*?*  **?***Vậy góc BCD và góc BAD thế nào với nhau? Suy ra cách tính góc BCD?*  \*Bước 2:GV nhận xét rút kinh nghiệm nếu có chỗ sai sót  \*Bước 1:  -HS *hoạt động nhóm* làmbài tập 58/90SGK.  -GV gợi ý :  **?***Dựa theo giả thiết hãy tính góc* DCB?  **?***Tia CA* *nằm ở giữa hai tia* CA *và* CD?  *Từ đó suy ra số đo của góc* ACD?  **?***Tam giác BDC là tam giác gì?Suy ra góc* ABD? *Và*  **?***Từ tổng ACD+ABD = 1800suy ra điều gì về tứ giác ABDC?*  **?***Điểm B luôn nhìn đoạn thẳng AD dưới một góc vuông chứng tỏ điều gi?*  \*Bước 2:GV nhận xét rút kinh nghiệm nếu có chỗ sai sót | **I/Chữa bài tập:**  Bài 55/89  Ta có :  = ­= 800 – 300 = 500 (1)  Tam giác MBC cân tại M (MB = MC) nên :  =  (2)  Tam giác MAB cân tại M (MA = MB) với  = 500 (*theo 1*) suy ra:  = 1800 – 2.500 = 800 (3)  Tam giác MAD cân tại M (MA = MD) với  = 300 (*theo giả thiết*) suy ra:  = 1800 – 2.300 = 1200 (4)  Do đó:  = 3600 – (1200 + 800 + 700). Suy ra:  = 900  Tam giác MCD là tam giác vuông cân (MC = MD và  = 900).  Suy ra:  = 450  (5)  = 1800 – 800 = 1000 (*góc bù với góc* BAD do tứ giác ABCD là tứ giác nội tiếp đường tròn (M))    II. Bài tập:  Bài 58/90:  a)Theo giả thiết,  =.600 = 300  (*tia CB nằm*  *giữa hai tia* CA *và* CD)  = 600 + 300 (1)  Do DB = DC nên tam giác BDC cân, suy ra  = 300  Từ đó:  = 600 + 300 = 900 (2)  Từ (1) và (2) suy ra:  = 1800 *do đó* tứ giác ABDC nội tiếp được  b) Vì ABD = 900 nên AD là đường kính của đường tròn ngoại tiếp tứ giác ABDC  *Do đó*: tâm của đường tròn ngoại tiếp tứ giác ABDC là trung điểm của AD |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố sau mỗi bài tập.

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Làm thêm các bài tập 56, 57, 59, 60 /87 SGK.

-Đọc định nghĩa, soạn **?1** vẽ hình 49 trang 90 SGK

-Đọc và nắm kỹ nội dung định lý

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§8. ĐƯỜNG TRÒN NGOẠI TIẾP – ĐƯỜNG TRÒN NỘI TIẾP**

**A. MỤC TIÊU**:

1. *Kiến thức*: Hiểu được định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp.Bất cứ một đa giác đều nào cũng có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp

*2.Kĩ năng*: Biếtvẽ tâm của đa giác đều (đó là tâm của đường tròn ngoại tiếp đồng thời cũng là tâm của đường tròn nội tiếp), từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước

*3.Thái độ*: Có tính hợp tác cao

*4.Nội dung trọng tâm của bài*: định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp

*5.Hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Năng lực tự học; Năng lực tính toán; Năng lực giải quyết vấn đề; NL hợp tác, giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: NL tính toán, NL vận dung vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một đa giác đều cho trước

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **ĐƯỜNG TRÒN NGOẠI TIẾP – ĐƯỜNG TRÒN NỘI TIẾP** | - *Tìm hiểu định nghĩa.* | - *Tìm hiểu định lý*  biết vẽ được bao nhiêu đường tròn ngoại tiếp, bao nhiêu đường tròn nội tiếp lục giác đều. | Vận dung *định lý giải BT 61/91.*  a.Vẽ đường tròn (O; 2cm)  b) Vẽ hai đường kính AC và BD vuông góc với nhau | Vận dung *định lý giải BT 61/91.*  c ,Vẽ OH AB, OH là bán kính của đường tròn nội tiếp hình vuông ABCD |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập của một số học sinh

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Đa giác đều có nội tiếp được đường tròn không? Có đường tròn nội tiếp hay không? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Hs bước đầu dự đoán được đa giác đều là hình có đường tròn nội tiếp và ngoại tiếp  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: dự đoán của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| **Hoạt động 1: Định nghĩa**  Mục tiêu: Nêu được định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: định nghĩa, khái niệm, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp.  NLHT: Năng lực giải quyết vấn đề; NL hợp tác, giao tiếp | |
| **\*Bước 1:**  -HS đọc mục 1 trang 90 SGK.  -**?**Có nhận xét gì về đường tròn (O; R) đối với hình vuông ABCD? Nhận xét tương tự cho đường tròn(O;r)?. GV giới thiệu tên gọi cho hai đường tròn trên đối với hình vuông ABCD, GV tổng quát cho đa giác  **?**Vậy theo em đường tròn ngoại tiếp đa giác là gì ?Đường tròn nội tiếp đa giác là gì?  ­­-Gọi một vài HS đứng tại chỗ đọc định nghĩa trang 91 SGK  -GV hướng dẫn HS cách vẽ hai đường tròn trên  -HS hoạt động nhóm thực hiện **?**  -GV cùng hs sửa bài làm của các các bạn đại diện nhóm  -Đưa ra lời giải đúngtrên bảng  Gợi ý HS :  **?**Mỗi cạnh của lục giác đều sẽ căng một cung có số đo là bao nhiêu độ?suy ra góc ở tâm tương ứng?Vậy để vẽ một cạnh ta vẽ gì?  **?**Các cạnh còn lại vẽ thế nào?  -GV hướng dẫn HS dùng com pa và thước thẳng để vẽ các cạnh còn lại  **?**Nhận xét về các tam giác AOB, BOC, COD, DOE, EOF, FOA?Suy ra các đoạn thẳng OG, OH, OI, OK, OL, OM là các đường gì?  **?**So sánh các đoạn thẳng AG, BH, CI, DK, EL, FM?  **?**Xét các tam giác vuông AOG, BOH, COI, DOK, EOL, FOM và từ đó so sánh các đoạn thẳng OG, OH, OI, OK, OL, OM?  Rút ra kết luận  **?**Chỉ ra đường tròn ngọai tiếp, đường tròn nội tiếp của lục giác đều ABCDEF?  **\*Bước 2:**GV yêu cầu Hs chốt lại kiến thức đã học. | **1.Định nghĩa**(*sgk*)    **?**a)*Vẽ đường*  *tròn tâm O*  *bán kính* R = 2cm  b) *Vẽ lục giác đều*  ABCDEF      c) Các tam giácAOB, BOC, COD, DOE, EOF, FOA đều cân tại O suy ra: OG, OH, OI, OK, OL, OM đều lần lượt là các đườngtrung trực của các tam giác trên nên ta có : AG = BH  = CI = DK = EL = FM  (*cùng bằng một nữa*  *cạnh đa giác đều*  ABCDEF)  Xét các tam giác vuông  AOG, BOH, COI, DOK,  EOL, FOM chúng bằng nhau theo trường hợp cạnh huyền và một cạnh góc vuông  Suy ra: OG = OH = OI = OK = OL = OM = r  Hay tâm O cách đều các cạnh của lục giác đều ABCDEF  d) *Vẽ đường tròn*  (O; r) |
| Hoạt động 2: 2. Định lý:(*sgk*)  Mục tiêu: Hiểu được bất cứ một đa giác đều nào cũng có một đường tròn ngoại tiếp và một đường tròn nội tiếp  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: định lý  NLHT: Năng lực giải quyết vấn đề; NL hợp tác, giao tiếp | |
| **\*Bước 1:**  **?**Dựa vào kết quả **?**ở trên cho biết ta vẽ được bao nhiêu đường tròn ngoại tiếp, bao nhiêu đường tròn nội tiếp lục giác đều ABCDEF?  -GV giới thiệu định lý, HS đọc SGK  -GV giới thiệu tâm của đa giác đều như SGK  **\*Bước 2:**Chốt lại định lí đã học | **2. Định lý**:(*sgk*) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

đứng tại chỗ nhắc lại định nghĩa và định lý trong bài vừa học (M1)

BT61 SGKBài 61/ 91(M3)

:a) Vẽ đường tròn (O; 2cm)

b) Vẽ hai đường kính AC và BD vuông góc với nhau

Nối A với B, B với C, C với D, D với A, ta được tứ giác

ABCD là hình vuông nội tiếp đường tròn

(O; 2cm)

Vẽ bằng ê ke và thước thẳng

c) Vẽ OH AB, OH là bán kính của đường tròn nội tiếp hình vuông ABCD, r = OH = HA

r2 + r2 = OB2 = 22 2r2 = 4 r2 = 2 r = (*cm*)

Vẽ đường tròn (O; cm). Đường tròn này nội tiếp hình vuông, tiếp xúc với bốn cạnh hình vuông tại các trung điểm của mỗi cạnh

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Học bài theo vở ghi và SGK. Làm các bài tập 62/91; 63, 64 trang 92 SGK

*- HD*:Dựa vào cách vẽ đã học trong bài

- Soạn bài :”*Độ dài đường tròn, cung tròn*”

*- HD:*+Đọc mục 1, mục 2; soạn **?1, ?2**

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§9. ĐỘ DÀI ĐƯỜNG TRÒN, CUNG TRÒN**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d)

*2 Kỹ năng:* *Biết* tính độ dài cung tròn. Biết số là gì. *Biết giải được* một số bài toán thực tế (*dây cua- roa, đường xoắn, kinh tuyến*)

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d)

*- Nắm được* điều kiện để một tứ giác nội tiếp được (*điều kiện ắt có và điều kiện đủ*)

. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. *Biết* tính độ dài cung tròn

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **ĐỘ DÀI ĐƯỜNG TRÒN – ĐỘ DÀI CUNG TRÒN** | - *Tìm hiểu công thức tính độ dài đường tròn* | - Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R | - Vận dụng công thức tính độ dài đường tròn C = 2R giai bài tập áp dụng. | - Vận dụng công thức tính độ dài đường tròn C = 2R giai bài tập áp dụng. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** ( Kiểm tra dụng cụ học tập)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Nói: “Độ dài đường tròn bằng ba lần đường kính của nó” thì đúng hay sai? | Hs nêu dự đoán |
| Mục tiêu: Bước đầu Hs tìm hiểu về mối liên hệ giữa độ dài và đường kính  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Dự đoán của Hs. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| **Hoạt động 1:** *Tìm hiểu công thức tính độ dài đường tròn*  Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính độ dài đường tròn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Công thức tính độ dài đường tròn.  NLHT: NL hợp tác, tư duy. Tính toán | |
| -GV giới thiệu công thức tính độ dài đường tròn **C = 2R** SGK, giảng giải bằng hình 50SGK  **?**Để tính độ dài đường tròn ta cần biết gì ?  **?**Nếu biết được độ dài đường tròn để tính bán kính hay tính đường kính ta làm thế nào?  GV uốn nắn, sửa sai, dẫn dắt rút ra nhận xét chung  -HS đọc đề bài 66b/ 94 SGK, GV gợi ý, dẫn dắt HS đứng tại chỗ trả lời. GV ghi bảng  **?**Để tính độ dài vành xe đạp ta áp dụng công thức nào? | **1.****Công thức tính độ dài đường tròn :**    **C = 2R**  *hay*  **C = d**  *là số vô tỉ,*  **3,14**  Bài tập 66b/94:  Độ dài vành xe đạp là :  C =**d =** 3,14.650 = 2041(*mm*) 2m |
| **Hoạt động 2:** *Tìm hiểu cách tính độ dài cung tròn*  Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính độ dài cung tròn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Công thức tính độ dài cung tròn.  NLHT: NL hợp tác, tư duy. Tính toán | |
| -HS suy nghĩ cá nhân thực hiện **?2**  -GV treo bảng phụ, HS lên bảng điền vào  -GV uốn nắn, sửa sai, HS ghi vào vở  -GV chốt lại công thức tính độ dài cung n0 của hình tròn  **?** Cần biết gì để có thể tính được độ dài một cung của đường tròn?  -Thực hiện tương tự như bài 66b),  GV hướng dẫn HS làm bài tập 66a/95 | **2.****Cách tính độ dài cung tròn :**  **?2** Kết quả cần điền là :  C=2R; ;  *l* **=**  Bài 66a/95:  Áp dụng công thức: *l* **=** , ta có: |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Bài tập 65/94:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bán kính ( R) | 10 | **5** | 3 | **1,5** | **3,18** | **4** |
| Đường kính (d) | **20** | 10 | **6** | 3 | **6** | **36** |
| Độ dài đường tròn © | **62,8** | **31,4** | **18,84** | **9,42** | 20 | 25,12 |

Bài tập 67/95

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bán kính R | 10cm | **40,8cm** | 21cm | 62cm | **21cm** |
| Số đo cung tròn (n0) | 900 | 500 | **570** | 410 | 250 |
| Độ dài cung tròn (*l*) | **15,7cm** | 35,6cm | 20,8cm | **4,4cm** | 9,2cm |

\**Hướng dẫn*:

Bài tập 68/ 95: (M3)

C nằm giữa A và B thì giữa A, B, C có mối liên hệ với nhau thế nào?

-Viết biểu thức tính độ dài C1 của nữa đường tròn AC, C2 nữa đường tròn AB *và* C3 của nữa đường tròn BC

-So sánh tổng C2 + C3 *với*  C1

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Học bài theo vở ghi và SGK

-Làm các bài tập 68, 69 trang 95 SGK

-Đọc phần “*Có thể em chưa biết* “

-Xem trước các bài tập từ 70 đến 76 trang 95, 96 chuẩn bị tiết sau luyện tập

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* Củng cố các kiến thức vừa học về độ dài đường tròn, cung tròn để giải các bài tập liên quan. Củng cố, khắc sâu các công thức tính độ dài đường tròn và độ dài cung tròn

*2 Kỹ năng:* *Biết* tính độ dài cung tròn. Biết số là gì. *Biết giải được* một số bài toán thực tế (*dây cua- roa, đường xoắn, kinh tuyến*)

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d)

*- Nắm được* điều kiện để một tứ giác nội tiếp được (*điều kiện ắt có và điều kiện đủ*)

. Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. *Biết* tính độ dài cung tròn

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | - *Tìm hiểu công thức tính độ dài đường tròn* | - Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R | - Vận dụng công thức tính độ dài đường tròn C = 2R giai bài tập áp dụng. | - Vận dụng công thức tính độ dài đường tròn C = 2R giai bài tập áp dụng. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Viết công thức tính độ dài đường tròn? Viết công thức tính độ dài l của một cung n0? (10đ)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Để nắm vững các kiến thức về độ dài đường tròn, cung tròn thì ta phải làm gì? | HS: làm nhiều bài tập |
| Mục tiêu: Hs được kích thích hứng thú học tập, say mê giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức đã học vào việc giải bài tập.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Bài làm của học sinh  NLHT : NL giải các bài toán về công thức tính độ dài đương tròn, cung tròn. | |
| - GV vẽ hình lên bảng, gọi1HS lên bảng làm bài tập 68/95 SGK, kiểm tra vở bài tập về nhà của học sinh,  GV gợi ý :  **?**Tính độ dài C1, C2, C3 của các đường tròn đường kính AC, AB, BC?  **?**Tính tổng C2+C3 rồi so sánh với C1?  **?**Từ đó rút ra kết luận?  -Gọi 1 HS khác lên bảng làm bài tập 69/95 SGK  **?** Tính chu vi của bánh trước? Chu vi của bánh sau?  **?** Khi bánh xe sau lăn 10 vòng thì quãng đường đi được là bao nhiêu ?  **?** Số vòng lăn của bánh trước khi đó là bao nhiêu?  -HS hoạt động nhóm làmbài tập 70/95SGK.  -GV gợi ý :  **?** Để tính chu vi ta hình tròn ta dựa vào công thức nào?  **?** Đường kính của đường tròn bằng bao nhiêu?  **?** Để tính chu vi hình 53 ta cần tính gì?  **?** Chu vi của nữa đường tròn phía trên, của hai cung tròn phía dưới được tính như thế nào và bằng bao nhiêu?  **?** Suy ra chu vi của cả hình?  **?** Cách tính của từng cung tròn thế nào? Suy ra chu vi cả 4 cung tròn?  HS suy nghĩ cá nhân đứng tại chỗ trình bày, GV đưa hình vẽ ra bảng  HS thực hiện bài tập 72/96, GV ghi bảng  -GV nhắc lại HS quy tắc tam suất đã học ở đại số  **?** 540 mm ứng với 3600  200 mm ứng với x0  Vậy x bằng bao nhiêu độ?  -GV tiếp tục hướng dẫn HS thực hiện bài 75/96 SGK như bài 72/96  Lưu ý HS:  + Xác định được số đo của hai góc MOB và MO’B dựa vào quan hệ của chúng đối với đường tròn (O’)  +Tính độ dài của hai cung MA và MB dựa vào công thức đã học  +So sánh hai độ dài vừa tính được  *Hoạt động3: Củng cố*  GV chốt lại vấn đề qua tiết luyện tập  tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản. | ***I.Chữa bài tập:***  Bài 68/89  Gọi C1, C2, C3 lần  Lượt là độ dài của  các đường tròn đường kính AC, AB, BC, ta có:  C1 = .AC (1)  C2 = .AB (2)  C3 = .BC (3)  So sánh (1), (2), (3) ta thấy:  C2 + C3 =(AB +BC) = AC  (*vì* B nằm giữa A, C)  Vậy : C1  = C2  Bài 69/95:  Chu vi bánh xe sau: .1, 672 (*m*)  Chu vi bánh xe trước : .0, 88 (*m*)  Khi bánh xe sau khi lăn bánh được 10 vòng thì quãng đường đi được là: .16,72 (*m*)  Khi đó số vòng lăn của bánh xe trước là: (*vòng*)  **II/Bài tập:**  -Bài tập 70/95:  a) Đường kính đường tròn là 4cm  Vậy : Hình tròn có chu vi là: 3,14. 4 = 12,56 (*cm*)  b) Chu vi của nữa đường tròn phía trên::  = 3,14.2 = 6,28 (*cm)*  Chu vi của 2 cung tròn phía dưới:    Chu vi của cả hình là :  6.28 + 6.28 = 12, 56 (cm)  c) Chu vi của cả 4 cung tròn là :    Bài 72/96:  540 mm ứng với 3600  200 mm ứng với x0  x =  *Vậy*: sđ = 1330, suy ra :  = 1330  Bài 75/96:  Đặt  =  thì  là 2  (Góc nội tiếp và góc  ở tâm của đường tròn  (O’)), ta có:  *l*MB=  (1)  *l*MA=  (*vì* OM =2.OM’) (2)  So sánh (1) và (2), ta có: |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Xem lại các bài tập đã giải\*

*Hướng dẫn*:

-Ôn công thức tính diện tích hình tròn đã học ở tiểu học, học thuộc công thức ở bài mới (M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

--Đọc kỹ cách tính diện tích hình quạt tròn. Soạn **?**

-Làm thêm các bài tập 71, 73, 74, 76 / 96 SGK.

-Soạn bài “*Diện tích hình tròn – hình quạt tròn*”

Vẽ sẵn các hình 58, 59 vào vở học

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§10. DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN. HÌNH QUẠT TRÒN**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *:* Học sinh hiểu được công thức tính diện tích hình tròn S=và biết suy luận rút ra công thức tính diện tích hình quạt tròn.

*2 Kỹ năng:* Bước đầu vận dụng các công thức trên vào giải một số bài tập liên quan.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d) S=

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. *Biết* tính độ dài cung tròn, tính diện tích hình tròn S=.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **DIỆN TÍCH HÌNH TRÒN, HÌNH QUẠT TRÒN**. | - *Tìm hiểu công thức tính độ dt hình tròn* | - Ôn lạicông thức tính tính diện tích hình tròn S=. | - Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn S=.  Giải bài tập áp dụng. | - - Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn S=.  Giải bài tập áp dụng. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: HS nhắc lại công thức tính diện tích hình tròn của lớp 5?  Yêu cầu Hs vận dụng kiến thức đã học để viết công thức trên gọn hơn. | Đáp: S = RxRx3,14  S = . R2 |
| Mục tiêu: Hs được xây dựng công thức tính hình tròn bằng những kiến thức đã học.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: công thức | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| **Hoạt động 1: Công thức tính diện tích hình tròn**  Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính diện tích hình tròn.  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Công thức.  NLHt: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, Công thức tính diện tích hình tròn: | |
| - Em hãy nêu công thức tính diện tích hình tròn mà em đãhọc ở lớp 5.  GV: giới thiệu công thức tính diện tích hình tròn.  -Em hãy tính diện tích hình tròn biết bán kính R = 3 cm.  HS: diện tích hình tròn là:  S=R2= 32  9.3,14 = 28,36 (cm2).  GV: Cho học sinh đọc đề bài bài 77/ 98 SGK  H. hãy cho biết bán kính của đường tròn ngoại tiếp hình vuông?  GV: Gọi một HS lên bảng tính S của hình tròn | . Công thức tính diện tích hình tròn:    S =R2  Trong đó:  S: diện tích hình tròn.  R: bán kính đường tròn.  *Bài 77/98 SGK*  *Giải*: Ta có d = AB = 4cm  nên R = 2cm.  Diện tích hình tròn là:  S =R2 =22  = 4(cm2) = 12,56(cm2) |
| **Hoạt động 2: Cách tính diện tích hình quạt tròn**  Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính diện tích hình quạt tròn và áp dụng được vào bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Công thức tính diện tích hình quạt tròn  NLHT: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản | |
| GV: cho HS đọc đề bài ? SGK.Sau đó gọi HS đứng taiï chỗ điền kết quả  Kết quả lần lượt là: R2; .  GV: ta đã biết  vậy Squạt còn được tính theo công thức nào?  GV: cho HS đọc đề bài 79/98SGK. Gọi 1HS tóm tắc đề bài.  GV: gọi 1HS lên bảng trình bày | 2. Cách tính diện tích hình quạt tròn:  Công thức:  ?  Sq =  hay Sq = Trong đó:  R: bán kính đường tròn.  n: số đo độ của cung tròn.  l: độ dài cung tròn.  *Bài 79/98SGK*  Ta có:  Sq=== |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Bài 82/sgk: (M3)

Kết quả:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bán kính  Đường tròn (R) | Độ dài  đường tròn (C) | Diện tích  hình tròn(S) | Số đo của  cung tròn (no) | Diện tích hình quạt tròn (Sq) |
| a) | ***2,1 cm*** | 13,2 cm | ***13,8 cm2*** | 47,5o | ***1,83 cm2*** |
| b) | 2,5 cm | ***15,7 cm*** | ***19,6 cm2*** | ***229,6o*** | 12,5 cm2 |
| c) | ***3,5 cm*** | ***22 cm*** | 37,8 cm2 | ***101o*** | 10,6 cm2 |

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Học bài và làm bài tập:78, 80/ 98/ SGK.

-Tiết sau học tiết luyện tập. Bảng phụ vẽ H. 62;65/sgk

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**LUYỆN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *:* Học sinh biết thêm một số hình mới: Hình viên phân, hình vành khăn và cách tính diện tích các hình đó.

*2 Kỹ năng:* Bước đầu vận dụng các công thức trên vào giải một số bài tập liên quan. Rèn luyện cho học sinh kỹ năng vẽ hình (các đường cong chắp nối) và kỹ năng vận dụng các công thức tính diện tích hình tròn và công thức tính diện tích hình quạt tròn.

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lại công thức tính độ dài đường tròn. C = 2R ( *hoaëc* C = d) S= vận dụng các công thức tính diện tích hình tròn và công thức tính diện tích hình quạt tròn.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản.

-Năng lưc chuyên biệt. *Biết* tính độ dài cung tròn, tính diện tích hình tròn S=, diện tích hình quạt tròn.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨn BỊ:**

1. giáo viên: thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| **LUYỆN TẬP** | - *Tìm hiểu công thức tính độ dt hình tròn.* Diện tích hình quạt | - Ôn lạicông thức tính tính diện tích hình tròn S=. Diện tích hình quạt | Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn S=. Diai bài tập áp dụng. *Bài 83 SGK* | Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn S=. Giải bài tập áp dụng. *Bài 86 SGK*. |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

*HS*: Viết công thức tính diện tích hình tròn (4đ)

Chữa bài tập 78 SGK

*Giả****i***: Ta có: C =2R  R ==(3đ)S =(3đ)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Muốn nắm vững các kiến thức về công thức tính độ dài đường tròn, cung tròn.và diện tích hình tròn, hình quạt tròn thì ta phải làm gì? | HS: làm nhiều bài tập. |
| Mục tiêu: Hs được kích thích hứng thú học tập, say mê giải bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HoẠT ĐỘNG CỦA GV Và HS** | **NỘi DUng** |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải một số bài tập cụ thể  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Bài làm của học sinh  NLHT: NL tự học, tính toán, sử dụng công cụ vẽ. | |
| GV:Gọi 1 HS đọc đề bài , đồng thời giáo viên treo hình ở bảng phụ lên bảng.  GV: Gọi HS nêu cách vẽ hình ở câu a.  Em hãy nêu cách tính diện tích của phần mặt phẳng giới hạn bởi 4 nửa đường tròn.  HS: để tính diện tích phần mặt phẳng trên ta lấy tổng diện tích hai nửa đường tròn đường kính HI và OB trừ đi hai làn diện tích nửa đường tròn đường kính HO.  GV: gọi lần lượt từng học sinh tính cụ thể  H. Em hãy tính diện tích nửa đường tròn đường kính NA và rút ra kết luận?  HS lên bảng trình bày.  GV: vẽ hình 64 lên bảng và giới thiệu hình viên phân.  H:Em hãy nêu cách tính diện tích hình viên phân?  HS: Svp = Sq - SAOB  Gọi 1 HS lên bảng tính cụ thể.  GV: vẽ hình bài 65 lên bảng và giới thiệu HS hình vàng khăn.  H. Để tính diện tích hình vành khăn ta làm như thế nào?  Gọi 1HS lên bảng trình bày  GV: Nhắc lại cho HS cách tính diện tích hình viên phân và hình vành khăn | *Bài 83 SGK*  a) +Vẽ nửa đường tròn tâm M, đường kính HI bằng 10cm.  +Trên đường kính HI lấy HO =BI = 10cm.  + Vẽ hai nửa đường tròn đường kính HO và HI nằm cùng phía với nửa đường tròn tâm M.  +Vẽ nửa đường tròn đường kính HO nằm khác phía đối với nửa đường tròn tâm M.  +Đường thẳng vuông góc với HI tại M cắt hai nửa đường tròn đường kính HI và OB lần lượt tại N và A.  b) Diện tích cần tìm là S1:  S1 =  c)Ta có NA=NM +MA= 3+5 = 8(cm)  Vậy bán kính nửa đường tròn đường kính NA là: S2 =  Vậy S1 = S2  Bài 85 trang 100 SGK.  Diện tích hình quạt là:    Diện tích tam giác AOB là:    Diện tích của hình viên phân là:  13,61 -11,23 = 2,38 (cm2)    *Bài 86 SGK*.  a) Ta có công thức tính diện tích hình vành khăn là:  S = S1 – S2 =  b) Thay R1 = 10,5 cm; R2 = 7,8 cm ta có:  S =155,1 cm |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Củng cố sau mỗi bài tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

- GV: Hướng dẫn bài 84/sgk để HS về nhà làm.

-Về nhà: Làm các bài tập 84,89,90,91/103,104 SGK. Trả lời các câu hỏi và ôn lại các kiến thức cần nhớ trong sgk, chuẩn bị tiết sau ôn tập chương III.

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

## ÔN TẬP CHƯƠNG III

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *:* Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương thông qua việc lần lượt giải các dạng bài tập liên quan đến đường tròn, hình tròn.

*2 Kỹ năng* Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, phát triển tư duy hình học, lập luận chặt chẽ, chính xác

.*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d) S=

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

-Năng lưc chuyên biệt . *Biết* tính độ dài cung tròn, tính diện tích hình tròn S=.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| ÔN TẬP CHƯƠNG III |  |  |  |  |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (*lồng vào tiết học*)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Hãy nhắc lại tên các loại góc với đường tròn mà em đã học?  H: Hãy nêu các công thức tính độ dài đường tròn, cùng tròn. Công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn?  H: Khái niệm tứ giác nội tiếp, dấu hiệu nhận biết một tứ giác nội tiếp được đường tròn? | Hs trả lời như sgk |
| Mục tiêu: Tái hiện lại các kiến thức liên quan phục vụ cho việc ôn tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các kiến thức của chương III | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương thông qua việc lần lượt giải các dạng bài tập liên quan đến đường tròn, hình tròn  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Làm được bài tập 88, 89/103,sgk  NLHT: NL tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, năng lực áp dụng các công thức đã học ở chương IV để giải các bài tập liên quan | |
| -Làm bài tập 88 trang 103 SGK  -GV vẽ các hình 66 trang 100 SGK  -HS lên bảng ghi tên góc ứng với mỗi hình  -Lớp tham gia nhận xét, sửa đổi (*nếu sai*)  .-HS làm bài tập 89 trang 104 SGK  -GV vẽ hình 67 trang 104 lên bảng  -HS lần lượt lên thực hiện các câu a), b), c), d), e) theo gợi ý, dẫn dắt của GV  -HS dưới lớp tham gia nhận xét, sửa sai  \*Bước 3:  -GV uốn nắn, chốt lại  -HS sửa vào vở  **?** Góc AOB chắn cung nào?suy ra số đo của góc AOB?  **?** Chỉ ra cung góc ACB chắn?Vậy số đo của góc ACB?  **?**Có mấy góc tạo bởi các tia tiếp tuyến gốc B và cung AB?Số đo của từng góc?  **?**Số đo của góc ADB bằng bao nhiêu?Lớn hơn hay nhỏ hơn góc ACB?Giải thích  **?**Viết biểu thức tính số đo của góc AEB?Chứng tỏ nó lớn hơn số đo của góc ACB?  -Gọi HS lần lượt lên bảng làm bài tập 90 trang 104 SGK  **?** Đường tròn ngoại tiếp có đặc điểm gì?Đường kính của nó ược xác định như thế nào ?  **?** Đường tròn nội tiếp hình vuông sẽ thế nào với hình vuông?Độ dài đường kính bằng với độ dài nào của hình vuông?  -GV dẫn dắt HS làm bài tập 91/99 SGK  **?** Số đo cung ApB được tính như thế nào?  **?**Độ dài của một cung được tính theo công thức nào?  **Lưu ý HS :** nq là số đo độ của cung AqB, np là số đo độ của cung ApB  **?** Để tính diện tích hình quạt tròn OAqB ta áp dụng công thức nào?  -HS hoạt động nhóm làm bài tập 92/98 SGK phần hình 69  **Gợi ý:**  **?**Để tính diện tích miền gạch sọc ta cần tính gì?  **?**Áp dụng công thức nào để tính diện tích của từng hình tròn?  ­-GV hướng dẫn HS bằng cách tương tự tính diện tích miền gạch sọc ở các hình 70, 71 còn lại | ***Bài 88/103:***     1. Góc ở tâm 2. Góc nội tiếp 3. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung   d) Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn  e) Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn  ***Bài 89/104:***  a)  = 600 (góc ở tâm có  số đo bằng số đo cung bị chắn)  b)  = 300 (số đo góc nội  tiếp bằng nữa số đo cung bị chắn)  c) = 300 (góc tạo bởi tia tiếp tuyến  và dây cung bằng nữa số đo cung bị chắn)  hoặc ’ = 1500 (bằng  sđ  = )  d) = sđ()  *Vậy* :  >  e) = sđ() .  *Vậy*: AEB <  ***Bài 90/ 104:***  a) b)  Ta có : R2 = AC2 = AB2 + BC2 = 42 + 42  = 32 suy ra: R = 2(*cm*)  c) r =  ***Bài 91/99:***  a)sđ ApB = 3600 – sđ AqB  = 3600 – 750 = 2850  b)Độ dài cung AqB:  lAqB====2,61(cm)  lApB====4,97(cm)  c) Diện tích hình quạt tròn OAqB là:  S = = == 2,61 (cm2)    ***Bài 92/98:***    Diện tích hình tròn bán kính 1,5 cm:  S1 = 1,52.  = 2,25 (cm2)  Diện tích hình tròn bán kính 1 cm:  S2 = 12.  =  (cm2)  Diện tích miền gạch sọc là:  St= S1– S2= (2,25 – 1)  = 1,25.  3,92 (cm2*)* |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Công thức tính tính diện tích hình tròn. Hình quạt tròn.(M1)

*b. Hướng dẫn về nhà*

+ Tiếp tục ôn tập các kiến thức trong chương III.

+ BTVN: 92, 93, 95, 96, 97/sgk.tr104 + 105

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

## ÔN TẬP CHƯƠNG III (TT)

**A. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *:* Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức của chương thông qua việc lần lượt giải các dạng bài tập liên quan đến đường tròn, hình tròn. Vận dụng các kiến thức đã học vào giải một số bài tập về tính toán các đại lượng liên quan đến đường tròn. Chứng minh tứ giác nội tiếp.

*2 Kỹ năng* Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, phát triển tư duy hình học, lập luận chặt chẽ, chính xác

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 Xác *định nội dung trọng tâm*

*-* Ôn lạicông thức tính độ dài đường tròn C = 2R ( *hoặc* C = d) S=. Chứng minh tứ giác nội tiếp.

5*- Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

-Năng lưc chuyên biệt . *T*ính diện tích hình tròn . Hinh quạt tròn. Chứng minh tứ giác nội tiếp.

**B. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

- Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

- Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

- Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

**C. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**D. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**

**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| ÔN TẬP CHƯƠNG III | - Ôn lạicông thức tính tính diện tích hình tròn S=. Hình quạt tròn | Tính diện tích giới hạn bởi hình vuông và đường tròn (O;r).  Tính diện tích hình viên phân BmC. | - Vận dụng công thức tính diện tích hình tròn S=. Hinh quạt tròn.  Giải bài tập áp dụng  ***Bài 91/99:*** | CM.tứ giác nội tiếp được đường tròn.  ***Bài 95/99:*** |

**E. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**1.** **Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

HS1: Nêu dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp đường tròn? (4đ), vẽ hình bài 90/sgk (6đ)

HS2: Nêu tính chất các loại góc trong đường tròn? (4đ),Vẽ hình bài 95/sgk (6đ)

**3. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| H: Hãy nhắc lại tên các loại góc với đường tròn mà em đã học?  H: Hãy nêu các công thức tính độ dài đường tròn, cùng tròn. Công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn?  H: Khái niệm tứ giác nội tiếp, dấu hiệu nhận biết một tứ giác nội tiếp được đường tròn? | Hs trả lời như sgk |
| Mục tiêu: Tái hiện lại các kiến thức liên quan phục vụ cho việc ôn tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: Các kiến thức của chương III | |

**4. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập  Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,...  Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.  Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  Sản phẩm: bài giải của học sinh.  NLHT: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản | |
| GV: Cho HS đọc đề bài 90  GV: Yêu cầu HS xác định yêu cầu của đề  Gọi 1HS lên bảng vẽ hình.  GV: Cạnh hình vuông nội tiếp đường tròn (O,R) được tính như thế nào? ⇒ R = ? tương tự r = ?  GV: Gọi 1 HS lên bảng tính R, r bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp hình vuông.  GV: Bổ sung thêm câu d và e.  d) Tính diện tích giới hạn bởi hình vuông và đường tròn (O;r).  e) Tính diện tích hình viên phân BmC.  GV: Yêu cầu HS nhắc lại hình viên phân.  GV: Gọi HS lần lượt lên bảng tính.  GV: Gọi HS đọc đề bài 95  GV: Hướng dẫn cách vẽ hình theo đề bài và câu hỏi.  a) Em hãy nêu cách chứng minh: CD = CE  Hướng dẫn cách khác  Ta có ADBC tại A’  BE AC tại B’  sđsđ  sđsđ  Do đó  CD = CE  GV: Chứng minh cân ta làm như thế nào?  GV: Để chứng minh CD = CH ta làm như thế nào?  GV: Vẽ đường cao thứ ba CC’, kéo dài CC’ cắt đường tròn nội tiếp tam giác tại F và bổ sung thêm câu hỏi.  d) Chứng minh tứ giác A’HB’C và AC’B’C nội tiếp được đường tròn.  e) Chứng minh H là tâm đường tròn nội tiếp .  GV: Yêu cầu HS hoạt động theo 3 nhóm trong thời gian 10’ trình bày bài tập trên  GV: Kiểm tra hoạt động của các nhóm, gọi HS nhận xét, cho điểm | **Bài tập 90/sgk.tr104:**  a) Vẽ hình  b) Ta có: a = R  R = =  c) Ta có:  2r = AB = 4cm r = 4:2 = 2(cm2)  d) Diện tích hình vuông là: a2 = 42 = 16 (cm)  Diện tích hình tròn (O;r) là:  r2 =22 = 4(cm2)  Diện tích phần gạch sọc là:  16 – 4 16 – 4.3,14 = 3,44(cm2)  e)Diện tích hình quạt OBC là:    Diện tích tam giác OBC là:    Diện tích hình viên phân OBC là:    **Bài tập 95/sgk.tr105 :**  a) Ta có:  và    ( các góc nội tiếp bằng nhau thì  chắn các cung bằng nhau)  hay CD = CE.(Liên hệ giữa cung và dây)  b)Ta có ( cmt)  (hệ quả góc nội tiếp)  cân tại B ( vì BA’ vừa là đường cao, vừa là đường phân giác)  c)Vì cân tại B  BC là đường trung trực của HD nên CD = CH.  d)Xét tứ giác A’HB’C có:  (gt)  Nên  tứ giác A’HB’C nội tiếp được đường tròn.  + Xét tứ giác AC’B’C có:  (gt)  tứ giác AC’B’C nội tiếp được đường tròn.  e) Theo chứng minh trên:  ( hệ quả góc nội tiếp)  Tương tự ta có:  Vậy H là giao điểm hai đường phân giác của H là tâm đường tròn nội tiếp |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

Lồng ghép sau mỗi bài tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Cần ôn tập kỹ các định nghĩa, định lý, hệ quả trong chương,

- xem kỹ lại các bài tập, chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết,

- vẽ H. 81/110/sgk và ?3 tiết sau nữa học bài 1 chương IV

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§1.HÌNH TRỤ. DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH HÌNH TRỤ - LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**:

*1.Kiến thức:* *:* Nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình trụ (đáy của hình trụ, trục, mặt xung quanh, đường sinh, độ dài đường cao, mặt cắt khi nó song song với trục hoặc song song với đáy). Các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và công thức tính thể tích hình trụ

*2 Kỹ năng.*  Rèn kỹ năng tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và thể tích hình trụ

*3 Thái độ:* Cẩn thận, tập trung, chú ý

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

-Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

-Năng lưc chuyên biệt . tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và thể tích hình trụ

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Hình trụ- diện tích xung quanh và thể tích hình trụ | - *Tìm hiểu về hình trụ.* | Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và công thức tính thể tích hình trụ | - Vận dụng Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và công thức tính thể tích hình trụ  Giải bài tập áp dụng | Vận dụng Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ và công thức tính thể tích hình trụ  Giải bài tập áp dụng |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (Không kiểm tra, giới thiệu kiến thức của chương)

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Bước đầu Hs thấy được cần phải tìm tòi mở rộng kiến thức hơn, kích thích hứng thú học tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Thái độ học tập của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Giới thiệu: Ở Lớp 8, Hs được làm quen về một số hình không gian, đặc biệt là hình lăng trụ đứng. Vậy hình trụ là gì? Có gì khác so với hình lăng trụ? | Hs nêu dự đoán |

**B. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1: Hình trụ**

Mục tiêu: Hs nêu được khái niệm hình trụ, các yếu tố của hình trụ

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs xác định được hình trụ, đáy và mặt xung quanh của hình trụ

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -GV dùng mô hình một trục quay bằng thanh gỗ có gắn một hình chữ nhật bằng giấy bìa cứng vừa thực hiện như SGK, vừa giảng giải  -HS quan sát phần trình bày của GV, hình 73 SGK để nắm được bài  -GV chốt lại các khái niệm :hình trụ, đáy, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, trục của hình trụ  -HS thực hiện cá nhân **?1**, đứng tại chỗ trình bày, các HS khác tham gia, GV chốt lại  -HS nêu thêm các hình ảnh về hình trụ | **1.Hình trụ:** (*sgk*)  B  **A**  **C**  **D**  **E**  **D**    **F**  **C**  **B**  **A**  **?1.** *Đáy là miệng lọ và đáy lọ, mặt xung quanh là thân lọ, đường sinh là các đường song song với các vạch sọc trên thân lọ* |

**Hoạt động 2: Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ**

Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -GV vừa thao tác trên mô hình, vừa trình bày, giảng giải như mục 3 SGK  -GV nhấn mạnh HS hiểu được: diện tích xung quanh của một hình trụ tròn xoay được định nghĩa là diện tích của hình chữ nhật có một cạnh bằng độ dài của đường tròn đáy và cạnh còn lại bằng chiều cao của hình trụ  -Giới thiệu thêm : hình chữ nhật gọi là hình khai triển mặt xung quanh của hình trụ  -Gợi ý HS đi đến hai công thức tổng quát SGK  -GV nhắc lại và giới thiệu công thức tính thể tích hình trụ đã học ở lớp dưới  -HS đọc ví dụ SGK  -GV phát vấn, HS đứng tại chỗ trình bày, GV chốt lại | **3.Diện tích xung quanh của hình trụ:**  5cm  **A**  **B**  **A**  10cm  5cm  2x x5 cm  10cm    5cm  **B**  *Hình 77*  **Sxq = 2Rh**  **Stp = Sxq + 2.Sđáy**  \**Tổng quát*: (sgk)  **4.Thể tích hình trụ:**(*sgk*)  Ví dụ:(*sgk*) |

**C. Luyện tập – Vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Các dạng bài tập về hình trụ

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV giới thiệu bài 3 trang 110 SGK, yêu cầu HS chỉ ra chiều cao và bán kính1 đáy của hình.  Bài 4 trang 110 SGK.  GV yêu cầu HS tóm tắt đề bài.  H: Tính h dựa vào công thức nào?  -1 HS khác làm bài tập 7/111 SGK  **?***Diện tích phần giấy cứng là hình gì*? *Được tính như thế nào?* | Bài 3: (SGK)   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **h** | **r** | | Hình a  Hình b  Hình c | 10cm  11cm  3cm | 4cm  0,5cm  3,5cm |   Bài 4: (SGK)    Bài 7/111:  Diện tích phần giấy cứng là:  S =0,04 x 4 x 1,2 0, 192 (m)2 |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà:**

-Xem lại các bài tập đã giải

-Làm thêm các bài tập 10, 12 trang 112 SGK, bài 14 trang 113, bài 2, 5, 6, 7 trang 122, 123 SBT.

-Soạn bài “*Hình nón – hình nón cụt-Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt* ”

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

## §2. HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT- DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH

**CỦA HÌNH NÓN, HÌNH NÓN CỤT – LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức -Nhớ lại và khắc sâu các khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy .

2.Kỉ năng -Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón.

3. Thái độ : Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính thể tích hình nón.

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón và thể tích hình nón

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| hình nón, hình nón cụt- diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt | -Khái niệm về hình nón: đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy. | -Vẽ hình nón. Viết công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của của hình nón | - Vận dụng Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của của hình nón, hình nón cụt để giải bài tập | |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong tiết dạy

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Bước đầu hình thành khái niệm hình nón cho Hs

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Khái niệm hình nón

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Hỏi: Quay hình chữ nhật quanh một trục là một cạnh của nó thì được hình trụ. Vậy nếu quay hình tam giác vuông quanh một cạnh góc vuông của nó thì được hình gì? | Hs dự đoán |

**B. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1: Hình nón**

Mục tiêu: Hs nêu được khái niệm hình nón và các yếu tố của nó

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

NLHT: NL tư duy, diễn đạt ngôn ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: Giới thiệu hình nón và cách tạo ra hình nón bằng cách cho tam giác vuông quay quanh 1 cạnh góc vuông.  GV: giới thiệu các yếu tố của hình nón: đường sinh, chiều cao, trục của hình nón  GV: Cho HS đứng tại chỗ làm  **?1** .  HS quan sát mô hình cái nón và trả lời các yếu tố của hình nón? | **1. Hình nón**   |  | | --- | | OC: bán kính đáy  OA: đường cao  AC: đường sinh  A: đỉnh hình nón |   **?1**  HS chỉ các yếu tố trên hình vẽ |

**Hoạt động 2: Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón**

Mục tiêu: Hs nêu được công thức tính Sxq và V của hình nón và áp dụng làm bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Công thức tính Sxq và V của hình nón

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: Cắt một mô hình cái nón giấy dọc theo đường sinh rồi trải ra.  GV: Hình khai triển ra là diện tích mặt xung quanh của hình nón là hình gì?  GV: Cho học sinh nêu công thức tính diện tích hình quạt tròn SAA’A.  GV hướng dẫn HS rút ra công thức như SGK.  GV: Em hãy nêu công thức tính diện tích xung quanh hình chóp đều? (S xq = p.d)  GV: Em có nhận xét gì về diện tích xung quanh của hai hình này?  GV: Cho học sinh thực hiện cách giải ví dụ.  GV: Cho học sinh nêu công thức tính và vận dụng tính diện tích xung quanh của hình nón | **2. Diện tích xung quanh của hình nón**  Công thức: **Sxq=**    Stp =+  Trong đó: r: bán kính đáy; l :độ dài đường sinh.  Ví dụ: Tính Sxp của hình nón biết h =16cm; r =12cm  Độ dài đường sinh của hình nón:  (cm)  Diện tích xung quanh của hình nón:  Sxq =  (cm2)  **3. Thể tích hình nón**  Công thức: **V = r2h** |

**C. Luyện tập – vận dụng**

Mục tiêu: Hs áp dụng được các công thức tính Sxq, Stp của hình nón, hình nón cụt và V hình nón, hình nón cụt vào giải một số bài tập cụ thể, Bài toán thực tế

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: giải các bài toán tính Sxq, Stp và V của hình nón

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -1 HS lên bảng làm bài tập 20/118 SGK  **-**Gợi ý HS vận dụng công thức tính thể tích hình nón và hình 96 để tính bán kính đáy và định lý Pitago để tính độ dài đường sinh dựa vào chiều cao và bán kính đáy  -HS làm bài tập 23/119 SGK  -HS làm trong giấy nháp và đứng taị chỗ trình bày  **?**Diện tích mặt khai triển bằng một phần tư diện tích của hình tròn cho ta được điều gi?  **?**Suy ra tỉ số **=**?  **?**Viết biểu thức tính sin theo hình vẽ?  **?** Suy ra góc cần tìm?  -HS thực hiện trong phiếu học tập bài 24/119  -GV dẫn dắt HS làm, thu một vài phiếu  -Phát vấn HS sửa bài trên bảng cùng với bài làm trong phiếu học tập. Nhận xét  -HS họat động nhóm thực hiện bài tập 27/119 SGK  **?**Thể tích cần tính gồm những hình nào ?  **?** Thể tích của phần hình trụ?  **?**Thể tích của phần hình nón?  **?**Vậy thể tích của dụng cụ là bao nhiêu?  **?**Để tính diện tích mặt ngoài của dụng cụ ta cần tính gì?  **?**Đường sinh của hình nón được tính như thế nào?  -Đại diện trình bày kết quả của nhóm trên bảng nhóm, các nhóm tham gia nhận xét lẫn nhau, GV chốt lại. | Bài 20/118: Kết quả cần điền lần lượt sẽ là :  **20; 10;**  **5; 5;**  **; ;**  **20; ;  5; ;**  Bài 23/119:  Theo giả thiết ta có : r*l* =**.** Suy ra :  Mặt khác ta có: sin **=**  (*theo hình vẽ*)  Vậy :  B  *l*  S  Bài 24/119:  Chọn A)    O  A  B  -Bài 27/119:  a)Thể tích phần hình trụ là :  V1 =  **=**702.70 = 343000(*cm*3)  Thể tích phần hinh nón là :  V2 =  **=**147000(*cm33*)  Thể tích của dụng cụ:  343000+147000 **=** 490000  1538600(*cm*3)  1,54 (m3)  b) Diện tích phần hình trụ:  2.70.70=9800(*cm*3) Đường sinh của hình nón :  *l2*= 902 + 702 = 13000 *l*  114 (*cm*)  Diện tích phần hình nón:  .70.114 = 7980(*cm*3)  Diện tích mặt ngoài của dụng cụ:  7980+9800 = 1178055829(*cm*2) 5,6 (m2) |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà:**

-Xem lại các bài tập đã giải

-Làm thêm các bài tập 25, 26, 27, trang 119 SGK, 28, 29 trang 120, bài 17, 18,20,21,23, 24, 26 trang 126, 127, 128 SBT.

-Soạn bài “*Hình cầu -Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu* ”

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**§3. HÌNH CẦU - DIỆN TÍCH HÌNH CẦU VÀ THỂ TÍCH HÌNH CẦU – LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức: Nhớ lại và nắm chắc các khái niệm về hình cầu: tâm, bán kính, đường tròn lớn, mặt cầu

2.Kỉ năng:Vận dụngthành thạo công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu. Thấy đượccác ứng dụng của các công thức trên trong đời sống thực tế

3. Thái độ - Giáo dục tính thực tiễn

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . Tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu **.**

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| Hình cầu- diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu | - Khái niệm về hình cầu: tâm, bán kính, đường tròn lớn, mặt cầu  -Vẽ hình cầu . | - Viết công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu  -Vẽ hình bán cầu | - Vận dụng công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầuđể giải bài tập làm ?1và 122 SGK | - Vận dụng công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầuđể giải Baøi 32/125 |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (kiểm tra vở ghi của hs)

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Bước đầu hình thành cho hs khái niệm hình cầu

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Khái niệm Hình cầu

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Quay HCN ta được hình trụ. Quay hình tam giác vuông ta được hình nón. Vậy khi quay một nửa hình tròn quanh một trục trùng với đường kính của đường tròn ta được hình nào? | Hs nêu dự đoán |

**B. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1:** *Tìm hiểu về hình cầu*

Mục tiêu: Hs mô tả được hình cầu và các tên gọi của nó.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -GV dùng mô hình một trục quay bằng thanh sắt tròn có gắn một nữa hình tròn bằng giấy bìa cứng vừa thực hiện như SGK, vừa giảng giải  -HS quan sát phần trình bày của GV, hình 103 SGK  -GV chốt lại các khái niệm :*mặt cầu, tâm, bán kính* | **1.Hình cầu:** (*sgk*)  **A**  **A**  .  .**O**  **O**  **B**  *Hình 103*  **B** |

**Hoạt động 2:** *Cắt mặt cầu bởi một mặt phẳng*

Mục tiêu: Hs tìm hiểu các hình thu được khi cắt hình cầu

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Hs xác định được mặt cắt là những đường tròn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -HS đọc SGK, quan sát hình 104 và *hoạt động nhóm* thực hiện **?1**, trên phiếu học tập của nhóm, đại diện đứng tại chỗ trình bày kết quả, các nhóm HS khác tham gia nhận xét, bổ sung.  -GV chốt lại, ghi vào bảng phụ  -GV dựa vào hình 104 giảng giải như SGK  -GV nêu ví dụ và minh họa bằng hình 105 SGK | **2.Cắt mặt cầu bởi một mặt phẳng:**(*sgk*)  R  **R**  **O**  **?1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình**  **Mặt cắt** | Hình trụ | Hình cầu | | Hình chữ nhật | *Không* | *Không* | | Hình tròn bán  kính R | *Có* | *Có* | | Hình tròn bán  kính nhỏ hơn R | *Không* | *Có* |   *Ví dụ* : (sgk) |

**Hoạt động 3:** *Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu*

Mục tiêu: Hs áp dụng được công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích để làm bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -GV yêu cầu HS nhắc lại công thức tính diện tích mặt cầu đã học ở lớp dưới và nhấn mạnh  -Yêu cầu HS đọc ví dụ trang 122 SGK, đứng tại chỗ trình bày nội dung ví dụ. GV nhấn mạnh | **3.Diện tích mặt cầu :**  S= 4R2 hay S=d2  *Ví dụ*: (sgk)  **4.Thể tích hình cầu:** (*sgk*)  2R  V =  Ví dụ: (*sgk* ) |

**C. Luyện tập – vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải bài tập

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: học sinh giải được các bài toán về hình cầu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Giáo viên yêu cầu Hs hoạt động nhóm làm bài tập 31 sgk  GV giới thiệu bài 32 tr 125 (đề bài và hình vẽ trên bảng phụ).  -Để tính diện tích bề mặt của khối gỗ còn lại (cả trong lẫn ngoài), ta cần tính những diện tích nào?  Hãy nêu cách tính. | Bài tập 31 sgk  cau-30-2-toan-9-tap-2-trang-124  1Diện tích xung quanh của hình trụ là: Strụ = 2r.h = 2r.2r = 4r2  Diện tích hai mặt bán cầu chính bằng diện tích mặt cầu: Smặt cầu = 4r2  Vậy diện tích bề mặt cả trong lẫn ngoài của khối gỗ là:  Strụ + Smặt cầu = 4r2 +4r2 = 8r2 |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà:**

**-** Xem lại các bài tập đã giải

-Làm thêm các bài tập 35, 36 trang 126 SGK, bài 28,29 trang 129, bài 31, 32, 34, 35 trang 130, 131 SBT.

-Đọc bài đọc thêm trang 126, 127 SGK

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**I. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức: -*Hệ thống hóa* các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu (*đáy, chiều cao, đường sinh*,...(với hình trụ, hình nón )

-*Hệ thống hóa* các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích,...(*theo bảng ở trang 128*)

2.Kỉ năng: -Rèn kỹ năng áp dụng các công thức vào việc giải toán

3.Thái độ -Thấy được các ứng dụng thực tế của các công thức trên

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . Tính chu vi, diện tích, thể tích tích mặt cầu và thể tích các hình trong chương IV **.**

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| ÔN TẬP CHƯƠNG IV | - Khái niệm về các hình trụ, hình nón, hình cầu (*đáy, chiều cao, đường sinh*,...(với hình trụ, hình nón ) | - Viết công thức tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón  -Vẽ hình trụ, hình nón | - Vận dụng công thức tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón để giải bài tập làm bài  43c/130 | - Vận dụng tam giác đồng dạng và công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầuđể giải baøi 40/129 |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** (Trong các hoạt động)

**A. Khởi động:** (ôn tập lý thuyết)

Mục tiêu: Củng cố cho hs các kiến thức liên quan đến chương.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Nội dung các kiến thức đã học

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| -GV lần lượt nêu câu hỏi **1** trang 128 SGK  -HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi mà GV nêu ra  -GV gợi ý, dẫn dắt HS trả lời, các HS dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại, treo bảng phụ ghi sẵn kết quả  -HS tiếp tục đứng tại chỗ trình bày câu hỏi 2, HS bổ sung, GV chốt lại  -GV treo bảng phụ ghi tóm tắt các kiến thức cần nhớ trang 128 SGK  -HS đứng tại chỗ quan sát và trình bày | **I. Lý thuyết:**  **1.**Phát biểu bằng lời:  a) *Diện tích xung quanh của hình trụ bằng hai lần tích của số pi với bán kính đáy* r *và chiều cao* h *của hình trụ*  b)*Thể tích hình trụ bằng tích của diện tích đáy* S *với chiều cao* h *của hình trụ* (hay *tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình trụ*)  c)*Diện tích xung quanh của hình nón bằng tích của số pi với bán kính đáy* r *với độ dài đường sinh của hình nón*  d)*Thể tích hình nón bằng một phần ba tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình nón*  e)*Diện tích của mặt cầu bằng bốn lần tích của số pi với bình phương bán kính R*  *của hình cầu*  g)*Thể tích của hình cầu bằng bốn phần ba tích của số pi với lập phương bán kính* R *của hình trụ*  **2.** Cách tính diện tích xung quanh của hình nón cụt:  Sxq là hiệu diện tích xung quanh của hình nón lớn và hình nón nhỏ  V cũng là hiệu thể tích của hình nón lớn và hình nón nhỏ  **\****Tóm tắt các kiến thức cần nhớ*: (sgk) |

**B. Hình thành kiến thức**

**C. Luyện tập – Vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

NLHT: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác. Năng lực tính tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón , hình cầu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| Gv treo hình ảnh và yêu cầu Hs hãy tính thể tích, diện tích bề mặt một chi tiết máy theo kích thước đã cho trên hình 114.  b38-trang-129-sgk-toan-9-t2    Gv gọi 1 Hs khá lên làm Bài 39 | Bài tập 38  Ta có: Thể tích phần cần tính là tổng thể tích của hai hình trụ có đường kính là 11cm và chiều cao là 2cm.  V1= πR2h1 = π(11:2)2.2 = 60,5π(cm3)  Thể tích hình trụ có đường kính đáy là 6cm, chiều cao là 7cm  V2 = πR2h2 = π(6:2)2.7 = 63π(cm3)  Vậy thể tích của chi tiết máy cần tính là:  V = V1 + V2 = 60,5π + 63π = 123,5π(cm3)  \* Tương tự, theo đề bài diện tích bề mặt của chi tiết máy bằng tổng diện tích xung quanh của hai chi tiết máy với diện tích 2 hình tròn đáy của hình trụ nằm trên.  Diện tích toàn phần của hình trụ có đường kính đáy 11cm, chiều cao là 2cm và là:  Stp(1) = 2πR1h1 + 2πR12 = 2π(11:2).2 + 2π.5,52 = 82,5π(cm2)  Diện tích xung quanh của hình trụ có đường kính đáy là 6cm và chiều cao là 7cm là:  Sxq(2) = 2πR2h2 = 2π(6:2).7 = 42π(cm2)  Vậy diện tích bề mặt của chi tiết máy là:  S = Stp(1)+Sxq(2) = 82,5π + 42π = 124,5π(cm2)  Giải bài 39 trang 129 SGK Toán 9 Tập 2 | Giải toán lớp 9Bài 39 sgk  Xem AB và AD là hai ẩn thì chúng là nghiệm của phương trình trong đó nữa chu vi và diện tích đã cho là tổng và tích của hai nghiệm:  x2 – 3ax + 2a2 = 0  Giải ra ta được : x1 = 2a, x2 = a  Vậy AB = 2a; AD = a  Diện tích xung quanh của hình trụ:  S = 2rh = 2**.**AB.AD = 2. 2a.a= 4a2  Thể tích của hình trụ là :  V = .r2.h = .AD2.AB = .a2.2a = 2a3 |
|  |  |

**D. Tìm tòi mở rộng**

**E. Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

-GV chốt lại nội dung tiết học

*b. Hướng dẫn về nhà*

- Ôn kỹ các lý thuyết đã ôn và xem lại các bài tập đã giải

-Làm bài tập 38, 39 trang 129; 43a, b trang 130 SGK

*Hướng dẫn :*

-Bài 38/129: Hình vẽ gồm một hình trụ lớn và một hình trụ nhỏ

Áp dụng công thức tính thể tích, diện tích xung quanh của hình trụ

-Bài 39/129:

Coi chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật là hai số thì nữa chu vi và diện tích của hình chữ nhật là tổng và tích của chúng. Áp dụng hệ thức Viét của đại số để tìm chiều dài và chiều rộng

Khi quay xung quanh cạnh AB thì chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật lần lượt sẽ là chiều cao và bán kính đáy của hình trụ

Áp dụng công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ sẽ tính được kết quả

Bài 43a,b/ 130:

1. Tính thể tích hình cầu phía trên và thể tích hình trụ phía dưới
2. Tính thể tích hình cầu phía trên và hình trụ phía dưới

-Chuẩn bị tiết sau ôn tập tiếp

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------

Tuần: Ngày soạn:

Tiết: Ngày dạy:

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV (tiếp)**

**I. MỤC TIÊU**:

1.Kiến thức: -*Vận dụng* các kiến thức trong chương để giải các bài tập liên quan

-Củng cố, khắc sâu về các kiến thức ở trên

2.Kỉ năng: -*Rèn kỹ năng* vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài toán thực tế, kết hợp các kiến thức cũ đã học và kiến thức vừa học để giải các bài toán mang tính tổng hợp kiến thức

3.Thái độ - Giáo dục tính thực tiễn

4 *Định hướng phát triển năng lực:*

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản .

- Năng lưc chuyên biệt . Tính chu vi, diện tích, thể tích tích mặt cầu và thể tích các hình trong chương IV **.**

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

3. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết**  **M1** | **Thông hiểu**  **M2** | **Vận dụng**  **M3** | **Vận dụng cao**  **M4** |
| ÔN TẬP CHƯƠNG IV (tt) | - Khái niệm về các hình trụ, hình nón, hình cầu (*đáy, chiều cao, đường sinh*,...(với hình trụ, hình nón ) | - Viết công thức tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón  -Vẽ hình trụ, hình nón | - Vận dụng công thức tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón để giải bài tập làm bài  39/129 | - Vận dụng tam giác đồng dạng và công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầuđể giải baøi 41/129 |

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**:

**Kiểm tra bài cũ:** kiểm tra vở bài tập ở nhà

**A. Khởi động:**

Mục tiêu: Củng cố cho hs các kiến thức liên quan đến chương.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Nội dung các kiến thức đã học

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| -GV lần lượt nêu câu hỏi **1** trang 128 SGK  -HS lần lượt đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi mà GV nêu ra  -GV gợi ý, dẫn dắt HS trả lời, các HS dưới lớp tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại, treo bảng phụ ghi sẵn kết quả  -HS tiếp tục đứng tại chỗ trình bày câu hỏi 2, HS bổ sung, GV chốt lại  -GV treo bảng phụ ghi tóm tắt các kiến thức cần nhớ trang 128 SGK  -HS đứng tại chỗ quan sát và trình bày | **I. Lý thuyết:**  **1.**Phát biểu bằng lời:  a) *Diện tích xung quanh của hình trụ bằng hai lần tích của số pi với bán kính đáy* r *và chiều cao* h *của hình trụ*  b)*Thể tích hình trụ bằng tích của diện tích đáy* S *với chiều cao* h *của hình trụ* (hay *tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình trụ*)  c)*Diện tích xung quanh của hình nón bằng tích của số pi với bán kính đáy* r *với độ dài đường sinh của hình nón*  d)*Thể tích hình nón bằng một phần ba tích của số pi với bình phương bán kính đáy r với chiều cao h của hình nón*  e)*Diện tích của mặt cầu bằng bốn lần tích của số pi với bình phương bán kính R*  *của hình cầu*  g)*Thể tích của hình cầu bằng bốn phần ba tích của số pi với lập phương bán kính* R *của hình trụ*  **2.** Cách tính diện tích xung quanh của hình nón cụt:  Sxq là hiệu diện tích xung quanh của hình nón lớn và hình nón nhỏ  V cũng là hiệu thể tích của hình nón lớn và hình nón nhỏ  **\****Tóm tắt các kiến thức cần nhớ*: (sgk) |

**B. Hình thành kiến thức**

**C. Luyện tập – Vận dụng**

Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức đã học vào giải một số bài tập cụ thể.

Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,

Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm.

Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.

Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

NLHT: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác. Năng lực tính tính diện tích và thể tích hình trụ, hình nón , hình cầu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| -GV hướng dẫn HS làm bài tập 43c/130 SGK  -HS *quan sát* hình vẽ 118 c) GV vẽ trên bảng  -GV gợi ý :  **?***Hình đã cho gồm những loại hình nào đã học ?*  **?***Để tính thể tích của cả hình ta tính như thế nào?*  **?***Aùp dụng công thức nào để tính thể tích của nữa hình cầu phía trên?Hình trụ ở giữa?Và hình nón ở phía dưới ?*  -Gọi 3 HS lần lượt lên bảng hoàn thành từng phần của bài tập  -HS tham gia nhận xét, bổ sung. GV chốt lại  -HS *hoạt động nhóm* làm bài tập 40 trang 129 SGK  -HS quan sát hình 115a)  -Cùng thực hiện trên bảng nhóm, đại diện nhóm treo kết quả  -GV cùng cả lớp sửa bài và khẳng định nhóm đúng  -1HS lên bảng làm câu b). Cả lớp cùng làm trên vở  -GV phát vấn HS cùng sửa sai và chốt lại | Bài tập 43c/130:  Thể tích của nữa hình cầu phía trên:  Vcầu===  Thể tích của phần hình trụ ở giữa là:  Vtrụ = R2.h = 2,02.4,0 = 16  Thể tích của phần hình nón phía dưới là :  Vnón = ==  Thể tích của cả hình là :  V = Vcầu + Vtrụ + Vnón = +16+  =  V83,73 (*cm2*)  2,5m  Bài tập 40 /129:  5,6m  a) Diện tích xung quanh cuả hình nón :  Sxq = =3,14.2,5.5,6  43,96 (*m2*)  Diện tích đáy hình nón là :  Sđáy = r2 = 3,14.2,52 19,63 (*m2*)  Diện tích toàn phần của hình nón là :  S = Sxq + Sđáy = 43,96 + 19,63 = 63, 59 (*m2*)  b) Diện tích xung quanh cuả hình nón :  3,6 m    4,8 m    Sxq = =3,14.3,6.4,8  54,26 (*m2*)  Diện tích đáy hình nón là :  Sđáy = r2 = 3,14.3,62 40,69 (*m2*)  Diện tích toàn phần của hình nón là :  S = Sxq + Sđáy = 54,26 + 40,69 = 94,95 (*m2*) |

**4. Câu hỏi và bài tập củng cố - Hướng dẫn về nhà:**

*a. Câu hỏi và bài tập củng cố*

-GV chốt lại vấn đề qua tiết ôn tập

*b. Hướng dẫn về nhà*

-Xem lại các bài tập đã giải

-Làm thêm các bài tập còn lại trang 129, 130

-Chuẩn bị phần “*Ôn tập cuối năm* ” từ câu 1 đến câu 7 trang 134 SGK

--------------------------------------------------------\*\*\*--------------------------------------------------------